

***Bài nghiên cứu của Lm. GIOAKIM NGUYỄN HOÀNG SƠN:
Tác Phẩm Giáo Lý Công Giáo CHỮ NÔM
của Linh mục thừa sai JÊRÔNIMÔ MAIORICA S.J
thế kỷ XVII :***

**CHỮ NÔM CÔNG GIÁO
Thế kỷ XVII
PHẦN ĐẪN NHẬP.**

I – Tình hình chính trị vào thế kỷ XVII, nước Đại Việt (Việt Nam) rơi vào tình trạng tranh hùng giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn, phân chia Đàng Trong Đàng Ngoài. Nhật hoàng cấm chỉ các thừa sai truyền đạo tại đất nước của ông, nên công cuộc truyền giáo của các cha Dòng tên chuyển hướng về vùng đất Đàng Trong vào đầu thế kỷ XVII. Từ năm 1615 đến năm 1665, các Giáo sĩ Dòng Tên thuộc Bồ Đào Nha từ Macao vào Việt Nam loan báo Tin Mừng ở Đàng Trong cũng như ở Đàng Ngoài. Năm 1615, Francois tới và cất nhà nguyện ở cửa Hội An. Từ Hội An, Francesco Buzomi qua các vùng lân cận, cất thêm một nhà nguyện. Năm 1618, gặp khó khăn phải “trốn vào rừng thiếu thôn đủ thứ”, do được lòng quan phủ Qui Nhơn, các linh mục Francesco Buzomi, Francisco de Pina, Cristophoro Borri và một số trợ sĩ người Bồ theo quan phủ Qui Nhơn về Nước Mặn[1] lập cư sở của dòng tại Đàng Trong trong Vương Quốc An Nam. Nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập tại Hội Thảo Khoa Học “Bình Định Với Chữ Quốc Ngữ” vừa qua (từ ngày 12-13/01/2016) đi đến kết luận Nước Mặn là “phát nguyên địa” của chữ quốc ngữ ở giai đoạn sơ khởi. “Trên thực tế, Nước Mặn, Bình Định không những là nơi đầu tiên các giáo sĩ mục Francesco Buzomi, Francisco de Pina, Cristophoro Borri ... đến học tiếng Việt mà còn là “trường dạy Quốc Ngữ” cho các lớp giáo sĩ tiếp theo như Emmanuel Borges và Louis Leira (1622), Gaspar Luis (1624), Girolamo Majorica (1624)...”[2]

Chúng ta biết rằng ngày 07 tháng 12 năm 1624 Gaspar Luis từ Macao đi Đàng Trong cùng một chuyến tàu với Đắc Lộ và 5 Linh mục khác trong đó có Antonio de Fontes. Khi đến xứ này G. Luis và Girolamo Majorica liền xuống Nước Mặn để học tiếng Việt, còn Đắc Lộ và Antonio Fontes thì ở lại Kẻ Chàm để học tiếng Việt với Francisco de Pina.

Theo nhà nghiên cứu rất uy tín và đầy thẩm quyền về Chữ Quốc Ngữ là Đỗ Quang Chính thì các vị góp công sáng tạo Chữ Quốc Ngữ trong thời kỳ đầu là: Francisco de Pina, Christoforo Borri, Gaspar d’Amaral, Antonio Barbosa, Alexandre de Rhodes, Filippo Marini, Bento Thiện, Igesicô Văn Tín.

Riêng linh mục A. de Rhodes tiếp thu nhiều gia sản việc hình thành chữ quốc ngữ của giáo sĩ khác. Nhưng có thể nói linh mục A. de Rhodes là người “**tập đại thành**” Chữ Quốc Ngữ, có công định chế ngữ pháp, biên soạn hai tác phẩm chữ quốc ngữ và chịu trách nhiệm công việc in ấn tại Roma quyền tự điển “**Dictionarium Annamiticum Lusitanum Latinum**” và Phép Giảng Tám Ngày (năm 1651), đặt nền tảng Nền Văn học Công giáo còn tồn tại đến ngày nay.

II- Thời kỳ đầu truyền giáo vào thế kỷ XVII, phương tiện chữ viết Hán Nôm thịnh hành trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ rất quan trọng trong việc loan báo Tin Mừng. Vậy, sự kiện sáng tạo Chữ Quốc Ngữ cho công tác truyền bá Tin Mừng có phải coi Chữ Nôm là thứ yếu và đã đẩy nó vào “cõi chết” không ?

Để trả lời vấn nạn này, chúng tôi xin trích dẫn tài liệu tham luận của ông Petrus Paulus Thống trong cuộc Hội Thảo Khoa Học, “Bình Định Với Chữ Quốc Ngữ” vào ngày 12-13/01/2016.

“Có điều ít người biết hoặc không chịu biết là Chữ Quốc Ngữ (CQN) ban đầu chỉ là chuyện nội bộ của người Công giáo. Trước tiên, việc sáng tạo ra CQN là để các vị thừa sai dùng cho dễ; chỉ “lưu hành nội bộ” thôi. Chữ Nôm khó học, khó viết, muốn học Chữ Nôm, trước phải học Chữ Hán, Chữ Nôm lại “khổ đọc”, phần lớn là phải “đọc đoán mò”. Sau rồi CQN mới được dùng cho việc in ấn sách vở kinh kệ của người Công giáo. Thực dân Pháp nắm lấy và khai thác công cụ CQN là việc của họ; không hề có một thỏa thuận nào với người Công giáo. Một điều nữa, ai cũng biết, trong khi sách vở kinh kệ Công giáo in bằng CQN đang thịnh hành thì sách vở kinh kệ Công giáo in bằng Chữ Nôm vẫn tiếp tục được in ấn song hành.

Không vì lý do gì lại bảo người Công giáo mà cụ thể là CQN đã đẩy Chữ Nôm vào “cõi chết”. Nếu cuốn **“Dictionarium Annamiticum Lusitanum Latinum”** của Alexandre de Rhodes chỉ có CQN, thì cuốn **“Dictionarium Anamitico Latinum”** của Pigneau de Béhaine và cuốn **“Dictionarium Anamitico Latinum”** của Jean Louis Taberd có Chữ Nôm in ấn rất đẹp và “bền vững”, nhất là cuốn của J.L.Taberd. Ngoài ra toàn bộ các sách của Girolamo Majorica viết bằng Chữ Nôm. Trước đây những nhà in ở Tây Đàng Ngoài như Kẻ Sở, Phúc Nhạc đều phân biệt rõ ràng những sách Chữ Nôm Annam, tức loại Chữ Nôm chúng ta đề cập ở đây, với những sách Chữ Nôm La tinh, tức Chữ Quốc Ngữ. Có thể nói người Công giáo đã “bảo tồn” Chữ Nôm rất kỹ. Còn việc Chữ Nôm bị mai một là do tính **“khổ học”**, **“khổ đọc”** của nó, trong khi CQN thì ngược lại[3].

Mặt khác, sự trở lại của những nho sĩ và tu sĩ Phật giáo là một yếu tố phát triển văn học công giáo. Các tôn giáo này đã giúp các thừa sai ghi chép bằng chữ Nôm những văn kiện công giáo cần thiết. Giáo sĩ Alexandre de Rhodes, khi mới đến xứ Bắc đã nhờ một thầy đồ chép những *kinh tối sớm* và *kinh mười điều răn* [4]. Chắc các thầy giảng cũng ghi chép những lề luật do các cha ấn định cho tổ chức tông đồ giáo dân tiên khởi mà các thầy là những cán bộ đặc lực[5]. Có sách chép rằng trong lúc vắng các cha, các thầy đã soạn một cuốn lịch công giáo để nhắc nhở giáo dân về các tiết lễ Công giáo[6]. Cha Onuphre Borgès bề trên Phái đoàn Truyền giáo Đàng Ngoài từ năm 1656, có soạn một tác phẩm huấn luyện các thầy giảng, giảng giải cách dạy dỗ cho người tân tòng, cách giúp kẻ liệt và rửa tội khi cần kíp[7]. Ngay đến cuốn *Phép giảng tám ngày* của giáo sĩ Alexandre de Rhodes trong thời kỳ còn là sơ thảo cũng đã được ghi chép bằng chữ Nôm và chữ quốc ngữ để các thầy giảng và giáo dân tiện dụng[8].

Phong trào văn học công giáo chữ nôm là một nhu cầu thực tế trong lúc chữ quốc ngữ chưa được ổn định hay phổ biến rộng rãi. Về những tác phẩm kể trên đây, được nhắc nhở trong các ký thuật của các thừa sai hay trong một sự suy luận không xa sự thật bao nhiêu, chúng ta ước ao sẽ phát giác được những bút tích hay văn kiện chứng minh.

Trong hiện tình, chúng ta mới khám phá được một số tác phẩm bằng chữ nôm của giáo sĩ Girolamo Majorica truyền giáo ở Đàng Ngoài và của thầy giảng Gioan Thanh Minh ở Đàng Trong[9].

Chúng tôi xin trình bày khái quát về vai trò CHỮ NÔM trong một số chương sau đây dựa vào tài liệu của Nhóm Nghiên Cứu Chữ Nôm Công Giáo và những nhà nghiên cứu khác như Thanh Lãng, Võ Long Tê, Ts Nguyễn Hai Tính, S.J.

CHƯƠNG MỘT: Tiểu sử Linh mục thừa sai JÊRÔNIMÔ

MAIORICA (Dòng Tên) và sự nghiệp chữ NÔM:

CHƯƠNG HAI: Nền văn học Chữ Nôm công giáo, tác phẩm: Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông (1623).

CHƯƠNG MỘT:

Tiểu sử linh mục thừa sai JÊRÔNIMÔ MAIORICA (Dòng Tên) và sự nghiệp chữ NÔM[10]:

Trong khuôn khổ trình bày sơ lược, chúng tôi xin trích dẫn một số nội dung cơ bản trong bài nghiên cứu của Thanh Lãng về tiểu sử và sự nghiệp của “**JÊRÔNIMÔ MAIORICA – 1656**”[11] :

1 – Tiểu sử

1. Tên gọi

Cũng như mọi người Tây Phương khác, nhân vật mà chúng tôi sẽ đề cập đến ở đây, đều có 2 tên gọi, một tên gọi thuộc dòng họ, một tên gọi tôn giáo thường là vị Thánh của Công Giáo.

- ***Tên dòng họ : Maiorica***

Vị giáo sĩ này thuộc dòng họ Maiorica, của nước Ý. Chưa được rõ khi sử dụng tiếng Ý để viết tên mình vào thế kỷ 17, vị giáo sĩ này đã viết tên dòng họ của ông với những ký hiệu như thế nào. Riêng Alexandre de Rhodes, trong tài liệu viết tay ngày 04 tháng 6 năm 1647 bằng tiếng Latinh dưới nhan đề :Alexanhdri de Rhodes e Societate Jesu terra marique decẽ Annorũ Itinerarium, đã viết tên người

anh em ông là *Hieronymô Mayorica* (Iste P. Franciscus Buzomi cũ *Hieronymô Mayorica*, è Cocincina ejectus cum Camboyam petered in piratos hollandos incidit, OC, p.95b). và Y, như vậy thì nếu muốn tên vị giáo sĩ này theo đúng tiếng Ý hiện đại phải viết như trên, tức viết *Maiorica*, chứ không được viết là *Mayorica*.

Còn tài liệu viết tay bằng chữ Nôm mang ký hiệu B1, tức là *Đức Chúa Je-su, Quyển Chi Bát*, nơi trang 1b, có ghi hai chữ viết bằng mẫu tự Latinh như sau: Jeronymo Mayorica.

- **Tên tôn giáo : Geronimo**

Maiorica mang tên tôn giáo là tên một vị Thánh giáo phụ công giáo sống thế kỷ IV, tuy là người Ý, nhưng lúc ấy toàn nước Ý còn sử dụng tiếng Latinh, nên tên Latinh của vị thánh này là *Hieronimus*, người Pháp thì gọi và viết *Hiéronymé*, hoặc Jérôme. Người Ý thì có 3 cách đọc và viết tên Hieronimus hoặc là *Girolamo*, hoặc *Gérolamo*, hoặc là *Géronimo*. Người Bồ-Đào-Nha thì đọc *Jéronimo*.

Hầu chắc là ở thế kỷ XVII, khi viết tên mình, *Maiorica* nếu sử dụng tiếng Ý thì viết *Geronimo*, nếu sử dụng tiếng Bồ thì viết *Jeronimo*, chứ không viết là *Girolamo*, hoặc *Gerolamo*, là những cách phát âm mới hơn về sau này.

- **Phiên âm và viết sang tiếng Việt Nam tên Geronimo Maiorica.**

Bằng chữ Quốc Ngữ:

Trong biên bản về mô thức phép rửa viết năm 1654, phần chữ ký là 14 giáo dân viết bằng thứ chữ : Latinh, chữ Nôm, chữ Quốc Ngữ, thì người đứng thứ 6 mang tên là Geronimo đã viết, bên cạnh chữ Nôm và chữ Latinh, tên ông bằng chữ Quốc Ngữ như sau: Tôy là *Geronimo* cũng nghĩ vậy. Như vậy thì người thế kỷ 17 đã mượn hình thù chữ Y (Geronimo) để viết chữ Quốc Ngữ “Ge-ro-ni-mo”. Tên đầu quyển thứ tám *Truyện Đức Chúa Je-su* (*Đức Chúa Je-su Quyển Chi Bát*), có hai chữ viết bằng ký hiệu mẫu tự Latinh như sau: *Jeronymo Mayorica*. Hai chữ này là chữ của tiếng Bồ-Đào-Nha ? Tôi nghĩ đây là tiếng Bồ-Đào -Nha thì đúng hơn, nhưng nếu có bảo đây là chữ Quốc Ngữ cổ thì cũng chẳng có gì là quá đáng cả. Điều đặc biệt là ở trên cả hai chữ in, đều có hai dấu chấm (tréma). Tài liệu ở thế kỷ 17 chỉ có vậy. Sang thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 thì có nhiều hơn. Philipphê Bình, bỏ Việt Nam năm 1797, sống lưu vong ở Lisboa hơn ba chục năm, trong *Truyện Nước Annam Đàng Ngoài chí Đàng traõ* đã dành 6 trang để viết về Geronimo

Maiorica, tức từ trang 28 đến hết trang 33, nhưng thay vì sử dụng chữ G, thì ông sử dụng chữ J, ông viết : *Jeronimo Maiorica*. Viết đầy đủ hai tên : Jeronimo Maiorica, hai lần. Viết chỉ một tên Jeronimo tới 5 lần. Ví dụ : “Thầy cả Jeronimo Maiorica Maiorica là lẽ coũ nhiều traõ nước Annam” (Op p. 28). Hoặc : “Saõ sách thầy cả Jeronimo làm thì những sách viết, mà các bản chính trước hết thì có chua tên người rằng : “Jeronimo Hội sĩ Maio thuật” (Op p,32). Trong “ Sách sổ sang chép các việc” Philliphe Bình hai trang 138 và 139 đều viết về vị giáo sĩ này. Trích làm ví dụ câu sau đây : “Jeronimo Hội sĩ Maio thuật. Hoặc ai có hồ nghi, thì tôi cắt nghĩa tiếng ấy, thế này rằng “ Thầy dòng D,D,J tên là Jeronimo Maiôrica đã làm sách ấy” (Op, trang 139). Dù viết liền nhau như *Jeronimo*, hay viết cách nhau bằng những gạch nối như *Ge-ro-ni-mo*, thì âm *e* trong *Ge* cũng như âm *o* trong *ro* và *mo* đều phát âm với âm dài và mở (tức *e*, *o*), chứ không phát âm ngắn và đóng (tức *ê, ô*).

- **Quê quán:** Geronimo Maiorica là người Ý, sinh quán tại Napoli, một thành phố lớn miền Nam nước Ý, ngày nay có khoảng một triệu dân số.

- **Cuộc sống :** Về năm sinh của Geronimo Maiorica nhiều người viết sử về ông không thống nhất với nhau. Nhưng đối với ngày tháng ông qua đời, thì mọi người đều ghi nhận chi tiết là ngày 27 tháng giêng năm 1656. Philipphê Bình, trong *Truyện Nước Annam Đàng Ngoài chí Đàng Traõ*, viết : “Đang khi thầy cả Jeronimo ở Annam thì giở về Nhật Bản mà làm Bè trên cai các thầy cũ bõn đạo nước ấy 3 năm, đoạn lại giở về Annam Đàng Ngoài, mà ở cho đến già là 75 tuổi thì mới qua đời ngày 27 tháng giêng năm 1656” (Op tr 30-31)... Nếu ông chết năm 1656, mà lại sống trên 75 tuổi mới chết, thì ông sinh năm 1581, nhưng Hoàng Xuân Hãn, dựa vào tài liệu của Georg Schurhamer, lại nói Maiorica sinh năm 1591, tức muộn hơn 10 năm hẳn. Có lẽ tài liệu của Georg Schurhamer chính xác hơn, khi ông cho Maiorica bắt đầu đi tu Dòng Tên ngày 19 tháng 5 năm 1591, tức là 14 tuổi, và đến năm 1619 (có thể cũng là năm vừa mới được thụ phong linh mục) thì Maiorica được cử đi sang truyền giáo tại Châu Á . Tính theo tuổi thì lúc ấy Maiorica được 28 tuổi, là tuổi thông thường để làm linh mục, nhất là linh mục Dòng Tên bước vào sinh hoạt truyền giáo. A. de Rhodes cũng đi vào đời sống hoạt động với lứa tuổi tương tự như vậy, chứ ít có ai khởi sự đời hoạt động vào tuổi

muộn màng, tức là tuổi 38-40, như trường hợp Maiorica, nếu ta cho ông sinh năm 1581.

Như mọi nhà truyền giáo đương thời muốn được đi truyền đạo ở Châu Á, Maiorica cũng phải sang thụ huấn một thời gian ở thủ đô Lisboa của Bồ Đào Nha, gia nhập quốc tịch Bồ Đào Nha, trước khi lên đường đi Châu Á. Thời gian thụ huấn này thường được dùng để học cho thông thạo và sử dụng được tiếng Bồ Đào Nha. Đến Goa bên Ấn Độ năm 1619, và làm việc tại đó cho tới năm 1623, thì được cử đi Macao, có thể là để dự tính vào Nhật Bản, nhưng vì Nhật Bản đóng cửa đối với các nhà truyền giáo, cho nên Maiorica đi làm việc ở Macassar một thời gian. Cuối năm 1624, Bề trên Dòng Tên ở Macao cử một phái đoàn sang truyền giáo tại Đàng Trong do giáo sĩ Gabriel de Mattos cầm đầu, gồm có Antonio de Fontes, Gaspar Luis, Mechior Ribero, Geronimo Maiorica và Alexandre de Rhodes.

- Cuộc sống. Phái đoàn 6 vị giáo sĩ này đến Faifô của Đàng Trong. Đắc Lộ và Antonio Fontes thì ở lại Kẻ Chàm để học tiếng Việt với Francisco de Pina, còn các vị khác đến Nước Mặn học tiếng Việt. Maiorica sống 5 năm ở Đàng Trong, lâu hơn A. de Rhodes 2 năm, vì năm 1629 ông mới bị trục xuất khỏi Đàng Trong, còn A. de Rhodes thì đã rời Đàng Trong từ đầu năm 1627 rồi. Năm năm ở Đàng Trong này quan trọng đối với tương lai sinh hoạt văn học của Maiorica. Bởi vì 5 năm ấy đã tạo cho Maiorica cái vốn tiếng nói tương đối đầy đủ. Mà cái tiếng nói đó là tiếng nói Đàng Trong, thường là tiếng nói của miền Quảng Nam, miền Thừa Thiên... Sau khi bị trục xuất, ông đến giảng đạo ở Chiêm Thành, Chân Lạp, mà hình như thời gian này ông sang được Nhật Bản và điều hành sinh hoạt truyền giáo tại Nhật, như Philipphê Bình có nhắc đến : “Đang khi thầy cả Jeronimo ở Annam thì giờ về Nhật Bản mà làm Bề trên cai các thầy cùng bốn đạo nước ấy 3 năm, đoạn lại giờ về Annam Đàng Ngoài mà ở đó cho đến già là 75 tuổi thì mới qua đời” (*Truyện Nước Annam Đàng Ngoài Chí Đàng Traõ*) (tr 30-31).

Năm 1631, ông giờ lại Việt Nam, không ở Đàng Trong mà ở Đàng Ngoài, nhưng là phần Đàng Ngoài tiếp giáp Đàng Trong tức miền Nghệ An Hà Tĩnh, là những miền có giọng nói, giọng đọc hao hao giống miền các xứ Quảng. Như vậy ta thấy sau 3 năm học tiếng và thông thạo tiếng nói ở Đàng Trong của các xứ Quảng, Maioricâ công hiến hẳn cuộc đời của ông cho Đàng Ngoài trong suốt 25 năm,

từ 1631 đến 1656 là năm ông qua đời tại Thăng Long. Tuy ông thường trú tại miền Nghệ Tĩnh, nhưng vẫn đi đi lại lại cả Đàng Ngoài, như ta thấy sau này ông chết ở Thăng Long và theo Philipphê Bình kể thì ông có tham dự, hay đúng hơn chủ động trong một cuộc tranh luận về tôn giáo với 10 vị Hòa Thượng lớn nhất ở Đàng Ngoài. Chắc nhờ lý luận sắc bén đánh thép, nhưng chắc cũng bởi ông sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt khéo léo tài tình, có sức thuyết phục rất cao, cho nên ông đã thắng 10 vị Hòa Thượng trong cuộc tranh luận hào hứng này, một cuộc tranh luận không phải âm thầm, mà được tổ chức rầm rộ công khai ở Phủ Chúa Trịnh, một cuộc tranh luận mà vì thua cuộc, đồng thời cũng bị thuyết phục, cho nên vị Hòa Thượng lớn nhất trong số 10 vị Hòa Thượng, tức vị Hòa Thượng trụ trì Chùa Thành Pháo, đã xin theo đạo mới và ở luôn với Maiorica (*Truyện Nước Annam Đàng Ngoài Chí Đàng Traĩ, tr 28-29*)

2 – Sự Nghiệp:

Hai thập niên 20 và 30 thế kỷ 17, là một thời kỳ lịch sử có một tầm rất quan trọng, chẳng những về mặt tôn giáo, nhưng có nhiều tác giả đã đề cập đến, nhưng nhất là về mặt văn học, đặc biệt là về mặt ngôn ngữ. Trước đây, hoặc vì thiên kiến, hoặc vì thiếu tư liệu người ta chỉ nhìn thấy vai trò hầu như độc tôn của A. de Rhodes. Sự thực hai thập niên này đã được chứng kiến ba khuôn mặt lớn mà lịch sử tiếng Việt không thể bỏ qua. Khuôn mặt thứ nhất là Alexandre de Rhodes đã được nhiều người nói đến, có khi quá đáng ở nhiều mặt. Khuôn mặt thứ hai đã có một vài ghi nhận, đó là Gaspar d'Amaral, nhưng sự nghiệp văn học của ông về mặt ngôn ngữ phải lớn hơn nhiều : cuốn Từ Điển Annam-Bồ Đào Nha của ông chỉ được nhắc đến như là có, nhưng đã thất lạc hoàn toàn. Sự thật không phải như vậy. Theo tôi thì cuốn Từ Điển Việt – Bồ của G. d'Amaral là chính cuốn Từ Điển mà A. de Rhodes đem in ở Roma năm 1651. Phần ANNAM-LUSITANO đã của G. d'Amaral; A. de Rhodes chỉ là tác giả phiên dịch sang tiếng Latinh, và viết thêm phần mở đầu về ngôn ngữ tiếng Việt. Khuôn mặt thứ ba chưa được ai nhắc đến mấy chính là Geronimo Maiorica, người đã để lại một sự nghiệp những tác phẩm bằng chữ Nôm lớn lao không thể tưởng được... Ba nước Phương Tây hùng cường của thế kỷ 17, đều mỗi nước đóng góp cho Việt Nam vào những năm 20 và 30 của thế kỷ 17. Nước Pháp, hay đúng hơn, người công giáo Pháp, cũng cung cấp

cho Việt Nam một chuyên gia trẻ hơn cả là A. de Rhodes, sinh năm 1593. Nước Bồ, hay đúng hơn, cũng là công giáo Bồ đã hiến cho Việt Nam một nhà truyền giáo và một nhà ngôn ngữ G. d'Amara, sinh năm 1595. Nước Ý, hay đúng hơn, cũng vẫn là người công giáo Ý, đã tặng cho Việt Nam một nhà Nôm học là Geronimo Maiorica, cao tuổi hơn cả vì sinh năm 1591.

2.1. Cuộc hội thảo tôn giáo giữa Phật giáo và Công giáo.

Geronimo thường trú ở miền Nghệ Tĩnh, nhưng vẫn đi đi lại lại tiếp xúc gia thiệp với các giới, đặc biệt là trí thức của Đàng Ngoài. Philipphê Bình viết về cuộc thảo luận tôn giáo được tổ chức tại Phủ Chúa Trịnh, và triều đình của nhà Nguyễn như sau: “Thầy cả Jeronimo Maiorica là kẻ có耦 nhiều traỗ nước Annam, vì người chẳng những là một sự nhân đức, mà lại có tài năng cù tho ỹ thái, và khôn ngoan.... Thì trần sang giảng đạo nước Champa cù nước Quảng h. là Đàng Traỗ, đoan mới ra Đàng Ngoài, trước hết thì đến xứ Nghệ mà trèo rừng trèo núi... đến khi ra Kẻ chợ thì cải mlẽ vuồi 10 Sư Hòa thượng ở trc mặt Nhà vương cù các quan Triều thần văn vũ và 10 Thầy Hòa thượng ấy điều thưa mlẽ ng. cho nên Sư Hòa thượng thứ 1, cũ’ là quan văn mà đi tu ở Chùa Thành Phao mới xin chịu đạo, thì ng’. rửa tội cho, cũ đặt tên Thánh cho là Phanchicô, từ khi Thầy Tu ấy chịu ph’. Rửa tội rồi thì chg’ giở về Chùa Thành Phao nữa, liền xin ở cù Thầy cả Jeronimô mà giúp việc ng’. (*Truyện Nước Annam Đàng Ngoài Chí Đàng Traỗ*) (tr. 28-29). Câu chuyện này, như vậy, thì xảy ra vào hồi nào.

Trong thời gian 25 năm G. Maiorica ở Đàng Ngoài, kể từ năm 1629, là năm ông tới Đàng Ngoài, cho tới năm 1656, là năm ông qua đời, thì những năm 1630, 1631, 1633 ... là thời kỳ tương đối tự do thoái mái nhất đối với các nhà truyền giáo, các ông hay được Chúa Trịnh Tráng mời vào Phủ đàm đạo, thảo luận về khoa khọc, hay giúp chỉ dẫn các máy móc do Phương Tây tặng biếu. Đặc biệt là thánh 3 năm 1631, trong lúc vua Lê và Chúa Trịnh ra Trường Thi Hội để ban mũ áo cho các quan nghề mới, Nhà Chúa đã cho một số giáo sĩ cưỡi ngựa đi theo hầu Nhà Vua, Nhà Chúa tới Trường Thi. Theo sử thì G. Maiorica biên soạn sách vở một cách ào ạt, kể từ năm 1633 – 1634 trở đi, mà theo Philipphê Bình thì tất cả các sách do Maiorica soạn đều do Sư Hòa thượng thứ nhất sau khi “cải mlẽ” và “thua mlẽ”

thì đi luôn theo làm môn đệ Maiorica và giúp thầy biên soạn sách vở bằng chữ Nôm. Như vậy thì cuộc Hội Thoại về tôn giáo xảy ra sớm nhất là năm 1629 là năm Maiorica tới Đàng Ngoài, và muộn nhất cũng phải kể là năm 1633, vì kể từ năm 1634 trở đi thì Nhà Chúa bắt đầu cấm cách đạo rồi, cho nên không hy vọng bao giờ có thể có được Nhà Chúa chủ xướng một cuộc Hội về tôn giáo vào loại như vậy.

2.2. Chủ biên nhiều sách vở bằng tiếng Việt.

Trong 30 năm hoạt động ở Việt Nam, cả Đàng Ngoài lẫn Đàng Trong, đặc biệt là 25 năm ở Đàng Ngoài, nhất là trong thời gian từ 1634 đến 1644, G. Maiorica được ghi nhận là người khởi xướng và chủ biên tới 48 cuốn sách lớn nhỏ.

2.3 Chủ biên nhiều sách vở bằng tiếng Việt

JOSEPH TISSANIER, Năm 1663, tức chỉ 7 năm sau khi Maiorica qua đời, đã viết về ông như sau:

“Les livres de dévotion ne manquaient pas cette nouvelle Église, d’ autant que le R.P. Jerome Payorica, Italien, avait écrit avant sa mort la vie de Notre Seigneur, celles des Saints, la doctrine chrétienne et plusieurs autres livres, que l’on conserve encore aujourd’hui comme de riches trésors” (Relation du voyage du P. JOSEPH TISSANIER. Paris 1663, tr. 180; trích theo HOÀNG XUÂN HÃN, Gerolamo Maiorica, ses oeuvres en langue Vietnamienne, tr 205). Mgr DEYDIER viết năm 1667 về G. Maiorica : “(Les catéchistes) consevent chèrement le souvenir de leurs pères spirituels, principalement de trois Jésuité, du P. Alexandre de Rhodes (...) et du Père Hierôme Mayorica Italien, qui ayant fait un très long séjour en royaume y a compose en langue Tonkinoise plusieurs livres très utiles à cette nouvelle Chrétienté” (Relations des Missions des évêque françois, Paris 1674, trang 194 – 195; trích theo HOÀNG XUÂN HÃN, op tr 205).

2.4 Tác phẩm[12]

Theo Võ Long Tê ghi lại một danh sách tác phẩm của giáo sĩ Majorica Dòng Tên.

Trong bản tiểu sử của giáo sĩ Majorica Dòng Tên, sử gia ca ngợi công nghiệp truyền giáo và nhấn mạnh lòng đạo đức rất cao và nói rõ giáo sĩ đã sáng tác hoặc phiên dịch rất nhiều tác phẩm, cộng được 48 cuốn [13].

Năm 1634, giáo sĩ đã soạn tiểu sử thánh Inhatiô, các bà thánh Đôtôtê, Bacbara, Lutia, Agnès, Agata, Xébastianô, các thánh Faustin và Jovite Job, và nhiều vị thánh khác. Giáo sĩ cũng có lẽ đã viết nhiều bài suy niệm lòng bác ái của của Cứu Thế, của Đức Mẹ, về Địa Ngục, về phép Giải tội và về sự phó thác trong tay Đức Chúa Trời[14].

Trong năm 1675, giáo sĩ có soạn nhiều bài khảo luận về hôn nhân, nhiều bài suy niệm về Thánh lễ Misa về sự chuẩn bị rước mình Thánh Chúa, một bài về lòng trung kiên giữ đạo khi bị truy-nã cấm đoán, tiểu sử Đức Mẹ, tiểu sử của thánh Jérôme, thánh ần sĩ Antônio và một bức thư rất dài về sự cần thiết phải từ bỏ những điều hà lạm[15].

Vào năm 1638, trong một bức thư, chính giáo sĩ Majorica ôn lại sự nghiệp văn chương như sau:

“Tuân lệnh bề trên tôi đã soạn và viết rất nhiều tác phẩm với mục tiêu cứu rỗi linh hồn. Tôi đã viết tiểu sử thánh Phanxicô Xaviê và cũng có viết về Phép lạ mà thánh đã ban ở Napoli (Naples) cho thánh đã tử đạo Marcello[16]. Tôi đã viết tiểu sử của Á Thánh Phanxicô Borgea[17], các bà Thánh Engrace, Olaya[18] và 7 vị thánh khác. Tôi đã soạn một tập thảo luận rất dày về những tội lỗi gây ra bởi những cái lưới và những phương cứu chữa. Một tập khác dày hơn nữa nhan đề “An ủi kẻ đau khổ”, một tập khác về đức trong sạch[19] với nhiều tiểu sử của các bà thánh đồng trinh như Agnès, Cécile, Agathe. Tập này tôi vừa sửa chữa lại. Tiếp theo là 7 bài suy gẫm về Thánh Giá, về sự Phán Xét, và một cuốn sách nhỏ về việc tử đạo... Giáo dân bắt đầu thờ phượng thánh Phanxicô Xaviê vì phép lạ cho thánh tử đạo Marcello được truyền lan nhiều”[20].

Năm 1642, giáo sĩ cho ra đời một tập khảo luận về thiên thần hộ mệnh[21].

Một tài liệu khác viết tổng quát về sự nghiệp văn chương của giáo sĩ:

“Giáo sĩ đã viết rất nhiều sách vở bằng ngôn ngữ và văn tự của xứ Bắc. Giáo sĩ đã phiên dịch hoặc sáng tác hơn 45 quyển: đó là một kho tàng mà giáo hội ngày nay gìn giữ và kính trọng. Giáo sĩ có soạn 12 quyển khác bằng văn xuôi hay thơ, ví dụ để ngợi khen Thánh Thể, Đức Bà Maria, các thiên thần, Thánh tổ Inhatiô, Thánh Phanxicô Xaviê và các ông cùng bà Thánh khác. Công việc này làm

giáo sĩ rất bận. Luôn cả trên tàu khi đi viếng thăm giáo dân, giáo sĩ không khi nào ngưng công việc”[22].

Qua những tài liệu tham khảo và phần viện dẫn bút tích của Majorica, chúng ta nhận thấy tác giả đã chú trọng đến công việc soạn thảo những tác phẩm công giáo đủ loại và hiện nay thư viện Quốc Gia Paris còn tàng trữ những tác phẩm chữ nôm của giáo sĩ Majorica. Tại phòng nghiên cứu văn chương và văn học sử Việt Nam của trường Đại Học Sư Phạm Huế có chụp hình một số tác phẩm chữ nôm của giáo sĩ Majorica, đánh số từ B đến B16[23].

Sau đây, chúng tôi lược kể theo Thanh Lăng[24] một số tác phẩm đã chụp ảnh ở Thư viện Quốc gia Paris:

1– Thiên Chúa Thánh giáo hối tội kinh, theo cách xếp đặt cũ đánh số Fourmont 369, Chinois 6713, cách xếp mới đánh số B4, dày 54 tờ viết năm 1634.

2– Ông thánh I-na-xu truyện, cách xếp cũ đánh số Fourmont 377, cách xếp mới đánh số B16, dày 56 tờ, viết năm 1634, theo chữ viết thì đoán là cùng một kiểu chữ như Văn nghiêm.

3 – Ngắm lễ trong mùa Phục Sinh tháng bảy, cách xếp cũ đánh số Fourmont 370, cách xếp mới đánh số B9, viết năm 1634, có lẽ do chính Majorica.

4 – Thiên Chúa Thánh Mẫu gồm có hai cuốn: cuốn I theo cách xếp cũ đánh số Chinois 3270, cách xếp mới đánh số B12, viết năm 1634, do chính Majorica; cuốn II, theo cách xếp cũ đánh số Fourmont 326, cách xếp mới BII, viết năm 1635, do chính Majorica.

5 – Ông Thánh Phanxicô Xaviê truyện, cuốn này đóng liền vào cùng với cuốn *ông Thánh Inaxu truyện*, có lẽ do văn nghiêm, viết năm 1650.

6 – Các Thánh truyện, cách xếp cũ đánh số Chinois 375, cách xếp mới đánh số B13, có lẽ do Vito Trí, một linh mục Việt Nam soạn năm 1650.

7 – Một cuốn Các Thánh truyện thứ hai không đề tên, theo cách xếp cũ đánh số Chinois 4978, cách xếp mới đánh số B14.

8 – Thiên Chúa thánh giáo khai mông, cách xếp cũ đánh số Fourmont 366, cách xếp mới đánh số B6, là tác phẩm của Lôbatô Balamino, do Majorica phiên dịch ra văn nôm.

9 – Đức Chúa Chi thu, cách xếp cũ đánh số Fourmont 371, cách xếp mới đánh số B1, do Majorica viết.

10 – Truyen Đức Chúa Chi thu, cách xếp cũ đánh số Chinois 2745, cách xếp mới đánh số B1.

11– Những điều ngấm trong các ngày lễ trọng, cách xếp số Fourmont 365, cách xếp mới B10, do Majorica viết.

12– Kính những lễ mùa Phục sinh, cách xếp cũ đánh số Fourmont 373, cách xếp mới đánh số B7, ký tên Antôn, một người thuộc làng Trung Hà, Thanh Hóa.

3.- Ngôn ngữ Công giáo.

Girolamo Majorica đã ứng dụng ngôn ngữ Công giáo đương thời và thí nghiệm một số danh từ và thể cách diễn đạt mới. Về phương diện hình thành ngôn ngữ Công giáo Việt Nam, tác phẩm chữ Nôm của Girolamo Majorica đã đánh dấu một chặng đường tiến triển khả quan.

Nhiều danh từ do các giáo sĩ truyền giáo ở Trung Hoa sáng chế đã nhập tịch vào ngôn ngữ Công giáo Việt Nam và trở nên những danh từ Hán Việt Công giáo như trường hợp đa số các danh từ Hán Việt khác. Đây là một sự vay mượn ngôn ngữ tự nhiên vì lẽ tiếng Việt liên hệ mật thiết với chữ Hán và nhất là vì uy tín của chữ Hán đối với các tín hữu vốn tinh thông nho học.

Những danh từ chữ Hán phiên âm tiếng La tinh và đọc theo lối Hán Việt như *Chi thu* (Đức Chúa Chi thu) là do một sự vay mượn trực tiếp để đáp ứng một nhu cầu diễn đạt cấp thời. Các thể hệ sau sẽ trực tiếp phiên âm tiếng La tinh chứ không qua trung gian của chữ Hán như thời Majorica nữa, do đó chúng ta sẽ có danh từ *Kitô* thay vì *Chi thu*.

Lại có những danh từ chữ Hán phiên dịch từ tiếng La tinh như: *Thiên Chúa Thánh giáo, Thiên Chúa Thánh mẫu*, sau này sẽ được kiêm dụng với những danh từ thuần túy Việt Nam hơn như *Đạo Thánh Chúa Trời, Đức Mẹ Chúa Trời*.

Ngoài một số ít danh từ vay mượn của Trung Hoa, Majorica còn làm giàu ngôn ngữ Công giáo Việt Nam bằng hai cách:

Một là trực tiếp phiên âm tiếng La tinh như: *Giêsu, I-na-xu, Phêrô, Phanxicô Xavie, Giêrusalem, Isave, Giudêu, Câu-rút, Phiritô xăngtô, Xăngti*

Sacramentô. Lối này rất hợp lý đối với những danh từ riêng. Còn đối với những danh từ chung như *Câu-rút*, các thể hệ sau sẽ thay thế bằng những danh từ dịch ý như *Thập giá, Thập tự*.

Hay là lối dịch ý như trường hợp các danh từ *Đức Chúa Trời, Rất Thánh Đức Bà* ngày nay vẫn còn thông dụng.

Công nghiệp lấy lòng của Majorica là sáng chế một số từ ngữ giản dị mà sâu sắc hợp với tinh thần tiếng Việt và vừa tầm hiểu biết của giới bình dân: *Phó mình đi tu hành, Phúc mọn, đánh tội, giải tội*[25], *dốc lòng chừa*[26], *ý Đức Chúa Trời sâu nhiệm lắm*[27]. Ngoài ra lại có một số từ ngữ Phật giáo và Nho giáo được thánh hóa để diễn tả những khái niệm Công giáo như *ác nghiệt, ăn chay, lời khấn*[28].

4.- Bút pháp.

Theo xu hướng văn học của thời đại, Girolamo Majorica có sáng tác văn vần bằng chữ Nôm. Nhưng phần lớn văn nghiệp của Girolamo Majorica đều trứ thuật bằng văn xuôi theo nhiều thể loại như lịch sử, luận thuyết. Do đó chúng ta phải kể Girolamo Majorica là một trong những nhà văn đầu tiên viết tản văn chữ Nôm.

Bút pháp của Girolamo Majorica tự nhiên thành thực, nghĩ sao viết vậy, không dụng đẽo gọt trau chuốt lời văn:

“Ông Thánh Y-na-xu chịu khó bề ngoài lắm vậy, nhưng mà trong linh hồn càng chịu khó nữa. Vì đêm ngày băn khoăn, những lo chẳng hay Đức Chúa Lời tha tội hay là chừa, thì người làm hết sức cho được khỏi sự ngờ trong lòng ấy, vì bởi chừa được yên lòng, thì toàn ăn chay trọn đời cho đến khỏi sự tội lỗi trong lòng”[29].

Lối kể chuyện của Girolamo Majorica rất linh động, ngôn ngữ của người trong chuyện được tường thuật để giúp ta hiểu được tâm tư và hành động:

“Ban đêm dù mà giá rét thì ông thánh Y-nha-xu nằm trên ván không mà thức suy nghĩ sự Đức Chúa Lời. Khi người đỡ nhà ấy tên là Giu-ông, hễ là đêm thì ông thánh Y-nha-xu khiến ông Giu-ông đi nằm trước. Mà Giu-ông có nhiều lần làm tỉnh, rình ngó mà xem, bèn ông thấy thánh Y-nha-xu khi quỳ gối, khi sấp

mình xuống đất, khi ngửa mặt lên, mà thấy người nổi lên không, chân khỏi (?) (?) ở mặt mũi có hào quang sáng láng mà than thở cùng Đức Chúa Lời rằng: “Chúa chữa lòng tôi, chớ gì thiên hạ biết Đức Chúa tôi mà thờ”.

“Có kẻ thấy mặt mũi ông thánh Y-nha-xu chẳng phải kẻ mọn, thì mắng người rằng: sao ông, ông đi ăn mày làm vậy, hay là có làm sự lỗi chi trọng mà hoặc người ta bắt mình thì ần, giả chước vậy chăng?”

Khi người ta mắng làm vậy thì ông thánh Y-nha-xu ngênh cổ trở lại, vui mặt mà nghe hết lời ấy đoạn mới trả lời rằng: “Ơn ông làm phúc cho tôi”[30].

Sự ngạc nhiên của Giu-ông, mối thắc mắc của những người thấy ông thánh Y-nha-xu khổ hạnh, cuộc đời tận hiến và tâm lý khiêm nhường của ông thánh Y-nha-xu, bấy nhiêu sự việc và tâm tư đã được diễn tả trong một đoạn ngắn với những chi tiết sống động.

5. – Giá trị.

Chúng ta nhận thấy văn phẩm của Girolamo Majorica hoàn toàn phục vụ mục tiêu truyền giáo và tu đức với những đề tài rút trong giáo lý, thánh sử. Đạo giáo đã chi phối nghệ thuật trong văn phẩm của Girolamo Majorica. Đó là những văn kiện quý báu giúp chúng ta tìm hiểu phương pháp giảng đạo, ngôn ngữ công giáo trong tiền bán thế kỷ XVII.

CHƯƠNG HAI: NỀN VĂN HỌC CÔNG GIÁO CHỮ NÔM, tác phẩm: THIÊN CHÚA THÁNH GIÁO KHẢI MÔNG (1623).

Qua phần trình bày trong **CHƯƠNG MỘT** về sơ lược tiểu sử và sự nghiệp của linh mục **GIROLAMO MAIORICA** đã hình thành nhiều tác phẩm chữ Nôm, nên không cần đặt vấn đề qui trách nhiệm các linh mục thừa sai có ý đồ sáng chế chữ quốc ngữ đã “*khai tử chữ Nôm*”. Trong chương hai, chúng tôi trình khía cạnh tích cực trong công cuộc loan báo Tin Mừng bằng chữ Nôm vào thế kỷ XVII.

Thật vậy, linh mục **GIROLAMO MAIORICA** và cùng với một số nho sĩ và tu sĩ Phật giáo đã tông giáo là một yếu tố phát triển văn học công giáo chữ Nôm như thế nào[31]. Khá nhiều bản văn chữ Nôm của linh mục **GIROLAMO**

MAIORICA đã phiên âm ra chữ quốc ngữ vào những năm 2003, và trước đó được in phổ biến Nội bộ vào năm 1998[32] dưới các tiêu đề “**CÁC THÁNH TRUYỆN**” (tháng giêng đến tháng chạp).

Sau đây, chúng tôi ghi lại bối cảnh hình thành sách giáo lý, phân phân tích khái quát và phụ lục.

- ***Bối cảnh hình thành sách Giáo lý: THIÊN CHÚA THÁNH GIÁO KHẢI MÔNG (1623).***

Để phân nào hiểu nội dung sách giáo lý “Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông” thiết nghĩ cần hiểu bối cảnh lịch sử Giáo hội thời kỳ thế kỷ XVII qua phần dẫn nhập của sách giáo lý này[33].

Theo lệnh Đức Thánh Cha, Thánh Hồng Y ROBERTO Bellamino S.J. (1542-1621) soạn cuốn *Controversiae* (Các cuộc tranh luận), gồm những điều phi bác những luận cứ của Giáo Phái Tin Lành đi ngược với Giáo Lý Công Giáo Rôma.

Công Đồng Trento vừa mới kết thúc không lâu trước đó và đối với Giáo Hội Công Giáo cần phải chấn hưng và xác nhận lại căn tính của chính mình, cả đối với cuộc Canh Tân Tin Lành. Công việc của Cha Bellarmino được đặt vào trong bối cảnh đó. Từ năm 1588 đến năm 1594 Bellarmino là Cha linh hướng cho các sinh viên Học Viện Roma, giữa các sinh viên đó Cha có dịp tiếp xúc và hướng dẫn Thánh Luigi Gonzaga, và kể đến Cha trở thành Cha Bề Trên của tu viện. Đức Giáo Hoàng Clemente VIII bổ nhiệm Cha là nhà thần học tư vấn của Tòa Thánh và Viện Trưởng của Ủy Ban Cáo Giải Điện Chính Tòa Thánh Phêrô, truyền cho Cha biên soạn cuốn sách mang tính hộ giáo. Sau hai năm 1597-1598, cuốn *Doctrina cristiana breve* – Giáo Lý Công Giáo toát lược của Cha Bellarmino ra đời và được nhiều người biết đến. Ngày 3 tháng 3 năm 1599, Cha Bellarmino được Đức Giáo Hoàng Clemente VIII phong chức Hồng Y ngày 18 tháng 3 năm 1602, được bổ nhiệm làm Tổng Giám Mục ở Capua. Bellarmino được phong chức Giám Mục ngày 21 tháng 4 cùng năm. Đức Hồng Y Roberto Bellarmino mất ở Roma ngày 17 tháng 9 năm 1621. Đức Thánh Cha Pio XI phong chân phước cho ngài năm 1923, phong thánh năm 1930 và tuyên xưng ngài là Tiến Sĩ Giáo Hội năm 1931.

Cuối thế kỷ 16, ở Trung Hoa lưu hành hai cuốn sách bằng chữ Hán: 天主實錄 *Thiên chủ thực lục* (sách viết về Thiên Chúa – Giáo lý) của Michele Ruggieri và 天主實義 *Thiên chủ thực nghĩa* (phép tắc của Thiên Chúa – Giáo luật) của Matteo Ricci. Tại Việt Nam lúc bấy giờ cũng có sử dụng hai cuốn sách ấy. Ngoài ra, việc dạy giáo lý và Kinh Thánh ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài lúc ấy chỉ dùng những bản văn viết vội. Như vậy, cuốn sách giáo lý dành cho người Việt là một việc rất cần thiết. Năm 1621 có “cuốn giáo lý bằng tiếng Đàng Trong” được sử dụng trong việc truyền giáo. Nhưng thật tiếc, cho đến nay chưa ai tìm ra dấu vết của sách ấy.

Năm 1623, Cha JERONIMO MAÏORICA (1591-1656) được phái sang Việt Nam và ngài liền bắt tay vào công trình biên soạn cuốn *Dottrina cristiana breve* sang tiếng Việt ở dạng thức chữ Nôm, với tên tác phẩm là 天主聖教啟蒙 *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông (TCTGKM)* – sách ra đời vào khoảng đầu thập niên 30 của thế kỷ XVII. Ngài đã thêm bớt một số chi tiết cho hợp với tâm lý người Việt: một số truyện, một số tư tưởng của “*sách nọ sách kia*” giúp người Việt Nam dễ tiếp thu lẽ đạo, và sống lời Chúa truyền lại sâu sắc hơn. Sách dựa trên 4 chủ đề lớn của truyền thống Giáo Lý Công Giáo: Tin (*kinh Tin Kính*), Chịu (*Sacramento*), Xin (*kinh Tại Thiên và kinh Ave*), Giữ (*Mười sự răn*). Tuy nhiên, phần Chịu (*Sacramento*) chỉ được nhắc đến ở Đoạn thứ nhất và đoạn thứ ba (bảy Sa-ca-ra-men-tô), không có nội dung riêng. Ở đầu mỗi đoạn có phần trình bày khái quát về nội dung dưới dạng giải thích thuật ngữ, giải thích câu hỏi. Ngoài ra còn nói đến ảnh hưởng của nội dung đoạn đó trong đời sống Đức Tin. Sau đó là phần hỏi thưa mang tính hộ giáo. Sách *TCTGKM* được viết ở dạng hỏi thưa, hai trang đầu tiên viết như Bài Tựa: lai lịch và nội dung cuốn sách được trình bày.

2- Phần trình bày khái quát tác phẩm.

Ở đây, chúng tôi xin trình bày khái quát tác phẩm: **Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông (1623)** dựa trên bài tham luận của TS Nguyễn Hai Tính, SJ (Học viện Dòng Tên TPHCM), trong Hội Thảo Khoa Học “Bình Định Với Chữ Quốc Ngữ” (12-13/01/2016)[34] và ghi chú bằng phiên bản sách giáo lý.

2.1- Sơ lược về THIÊN CHÚA THÁNH GIÁO KHẢI MÔNG (1623).

Về tựa đề cuốn sách, “*Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông*” có nghĩa là gì? Theo học giả Đào Duy Anh, “khải mông” có nghĩa là “mở mang cái tối tăm, cái ngu tối. Nghĩa bóng: dạy học trò từ lúc bắt đầu còn ngu dốt”. Theo linh mục Huỳnh Trụ thì ngày nay ở Trung Quốc, người ta vẫn dùng chữ “khải mông” theo nghĩa “học từ đầu, (môn học) nhập môn”. Như vậy, theo nghĩa chữ, tựa đề cuốn sách có nghĩa là “Dẫn nhập đạo thánh Thiên Chúa” hoặc “Dẫn nhập các lời dạy thánh của Thiên Chúa”. Chúng tôi nghiêng về nghĩa sau hơn, vì chính linh mục Girolamo Maiorica viết “Ấy là lời tóm lại mọi sự Đức Chúa Giêsu truyền xưa, để cho người ta biết đường lên thiên đàng” (*TCTGKM*, 14).

Nguồn gốc xuất xứ

Có học giả cho rằng đây rất có thể là cuốn sách đầu tay của linh mục Girolamo Maiorica, hoàn thành vào khoảng trước năm 1634.

Phần dẫn nhập nói rõ sách này được soạn dựa trên tác phẩm của thánh Rôbertô Bellarminô (*TCTGKM*, 13). Việc đọc đối chiếu cho thấy sách này theo khá sát cấu trúc (Tin Xin Giũ Chụ), hình thức (hỏi thưa) và nội dung của sách *Giáo Lý Ngắn* mà thánh Rôbertô Bellarminô viết, theo lệnh của Đức Giáo Hoàng Clémentê VIII, vào năm 1597-1598 cho giới bình dân và trẻ em.

Tuy nhiên, linh mục Girolamo Maiorica đã thêm nhiều điều vào các câu hỏi đáp vốn rất súc tích của *Giáo Lý Ngắn*, trong đó có các giải thích lấy từ cuốn *Giáo Lý Công Đồng Trentô*, một số giải thích “theo ý thói An Nam” (*TCTGKM*, 14) phù hợp với tâm thức, não trạng và đời sống người Việt ở thế kỷ XVII, và các câu truyện đông tây kim cổ khác.

Bản văn duy nhất còn tồn tại của cuốn sách mà chúng ta có ngày nay là bản chữ Nôm viết tay, có xuất xứ vào khoảng năm 1666, hiện tại đang được lưu trữ tại Thư Viện Quốc Gia Pháp. Đây có thể là một trong các tài liệu được linh mục François Deydier sai người chép lại, gửi về Paris qua ngả Thái Lan, lưu trữ trong văn khố của Hội Thừa Sai Paris và rồi, sau cuộc Cách Mạng Pháp, được đưa vào Thư Viện Quốc Gia Pháp.

Hiện tại, chúng tôi được biết có hai bản phiên âm *TCTGKM* ra chữ Quốc Ngữ, một là bản lưu hành nội bộ, không đề tên tác giả, in năm 2003 (mà chúng tôi

biết là công lao của cụ Võ Long Tê); hai là bản phiên âm trong phụ lục của luận án tiến sĩ *Chữ Nôm và Tiếng Việt Thế Kỉ XVII qua Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông của Jeronimo Maiorica* của tác giả Nguyễn Thị Tú Mai, hoàn thành năm 2012 tại trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội. Hai bản phiên âm của một vài khác biệt nhỏ nhỏ mà chúng tôi xin không đề cập đến ở đây. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng bản phiên âm lưu hành nội bộ.

Đặc điểm, cấu trúc

Bản văn cuốn *TCTGKM* sử dụng nhiều từ cổ, với lối nói bình dân; nhiều chỗ còn gây cảm tưởng đây là lối nói của một người chưa sành sỏi tiếng Việt. Bản văn còn chứa đựng khá nhiều câu chuyện ly kỳ, đa số kể lại các phép lạ nhãn tiền, các cuộc hiện ra hay việc người chết hiện về để truyền tải một sứ điệp nào đó.

Nghiên cứu ngôn ngữ học cho thấy bản văn dùng chữ Nôm thời Lê Trung Hưng, thời kỳ chữ Nôm bắt đầu chuyển sang đơn tiết.

Cấu trúc nội dung bản văn gồm sáu (6) Đoạn, trong đó các Đoạn chính được sắp xếp theo thứ tự Tin (Đoạn ba, giảng về Kinh Tin Kính), Xin (Đoạn bốn và năm, giảng về Kinh Lạy Cha và Kinh Kính Mừng), Giữ (Đoạn sáu, giảng về Mười Điều Răn). Chúng tôi xin trích câu đầu của từng Đoạn như sau, để quý độc giả thấy cấu trúc của cuốn sách:

“Đoạn thứ nhất giảng khai mông là đi gì và có mấy phần?” (*TCTGKM*, 14).

“Đoạn thứ hai giảng sự dẫu Câu-rút” (*TCTGKM*, 18).

“Đoạn thứ ba giảng mười hai điều phải tin” (*TCTGKM*, 27).

“Đoạn thứ bốn giảng lời nguyện Đức Chúa Giê-su truyền” (*TCTGKM*, 93).

“Đoạn thứ năm giảng kinh A-ve” (*TCTGKM*, 109).

“Đoạn thứ sáu giảng mười sự răn” (*TCTGKM*, 116).

Trong sách có nói nội dung “giảng khai mông” gồm “bốn mối”, gồm “Một là kinh Tin Kính, hai là kinh Tại Thiên, ba là Mười sự răn, bốn là bảy Sa-ca-ra-men-tô” (*TCTGKM*, 15; theo đúng cấu trúc Tin Xin Giữ Chịu). Tuy nhiên, phần cuối, nói về bảy Bí Tích, không thấy xuất hiện trong bản văn, mà chỉ được nhắc đến trong câu “Những truyện về tha tội sẽ nói sau khi giảng bảy Sa-ca-ra-men-tô cùng phép I-ghê-rê-gia truyền” (*TCTGKM*, 85). Như vậy, chúng ta thấy linh mục Girolamo Maiorica soạn cuốn *TCTGKM* theo đúng cấu trúc Tin Xin Giữ Chịu của

các cuốn giáo lý của Phêrô Canisiô và của Rôbertô Bellarminô, khác với cấu trúc Tin Chịu Giữ Xin, vốn là cấu trúc của cuốn giáo lý công đồng Trentô và vẫn được dùng trong các cuốn giáo lý chính thức của Giáo Hội cho đến ngày nay.

Giá trị đối với đức tin người Việt

Riêng về giá trị của tác phẩm *TCTGKM* đối với kho tàng đức tin và ngôn ngữ nhà đạo, chúng ta chỉ cần xét một vài câu trong cuốn này để thấy rằng những thói quen hành đạo, công thức đức tin, và ngôn từ nhà đạo vẫn còn phổ biến ngày nay đã có từ thời linh mục Girolamo Maiorica viết cuốn sách đầu tiên.

Về thói quen trong việc hành đạo, chúng ta thấy có các bằng chứng sau:

– *TCTGKM*, 18 nói về việc “có đạo” thì phải “thuộc lòng sự các bản đạo nguyện”, tức các kinh, như “Kinh Tại Thiên, Ave cùng kinh Tín Đức Yếu Đoan” (Kinh Lạy Cha, Kính Mừng cùng Kinh Tin Kính). Ta thấy thói quen này còn được giữ và phổ biến cho tới ngày nay. Thường ở các giáo xứ, khi người tân tòng gia nhập đạo thì ông trùm dạy cho họ học thuộc một số kinh căn bản.

– *TCTGKM*, 24 nói về việc “kê giữ đạo thì làm dấu trên mình, khi sớm mai trời dậy, khi bởi nhà mà ra, khi ăn cơm, khi đi nằm, khi dọn nguyện và toan làm mọi việc khác. Sau hết làm dấu có ý cho khỏi mọi chước quý...”. Những câu này hướng dẫn giáo dân biết nên làm dấu Thánh giá những lúc nào trong ngày sống. Ngày nay, trong các gia đình Công Giáo, các bậc cha mẹ vẫn còn dạy con cái làm dấu Thánh giá như thế này, đúng theo những điều linh mục Girolamo Maiorica mô tả và truyền dạy.

Về công thức đức tin:

– Ở *TCTGKM*, 20 có câu sau: “Ba Ngôi ấy là một Chúa Trời mà thôi, vì Ba Ngôi có một tính, một ý, một phép”. Rõ ràng đây là công thức về Ba Ngôi (với những khái niệm ngôi, tính, ý, phép) còn phổ biến trong các giáo trình giáo lý mãi cho tới gần đây.

– Ở *TCTGKM*, 21 khi nói về Ngôi Con làm người, có câu: “Ngôi Thứ Hai gọi là Con, có hai tính, một là tính thiêng liêng trọng vô cùng, hằng có vậy, lại Ngôi Con lấy tính người là linh hồn cùng xác...”. Ngôi Con có hai bản tính là công thức giáo lý (trong tiếng Việt) mà ngày nay chúng ta thừa hưởng từ linh mục Girolamo Maiorica.

– Ở *TCTGKM*, 21 cũng có câu: “ngày thứ ba sống lại, khởi bốn mươi ngày lên trời”. Rõ ràng đây cũng là một công thức quen thuộc trong giáo lý về việc Chúa Giêsu sống lại và lên trời (lưu ý vắn điệu, và chữ “khởi”).

Về ngôn từ nhà đạo:

Những cụm từ quen thuộc và độc đáo nhà đạo đã được sáng tác hoặc ghi lại từ thời linh mục Girolamo Maiorica: *sự thương khó, công nghiệp Đức Chúa Giêsu, đền cùng chuộc tội, thầy cả, rồi linh hồn, tin kính, chịu sự khó bằng lòng, khiêm nhường chịu lụy, sinh thì, hằng sống, cả sáng, trị đến, dùng đủ*, v.v.

- **Những nét độc đáo của *TCTGKM***

Như trên đã nói, cuốn *TCTGKM* dựa theo khá sát cấu trúc, hình thức và nội dung của cuốn *Giáo Lý Ngắn* của thánh Bêllarminô; tuy nhiên, ngài cũng đưa vào một số giảng giải mà ngài lấy ý từ cuốn giáo lý đồ sộ của công đồng Trentô. Trong phần này, để thấy rõ hơn đóng góp của linh mục Girolamo Maiorica, chúng tôi sẽ đề cập đến một số điểm nổi bật và độc đáo của *TCTGKM*, không có trong hai cuốn giáo lý trên. Khi đề cập đến các điểm độc đáo này, chúng tôi có dụng ý tìm hiểu và trình bày các phương cách thích ứng và hội nhập văn hoá mà linh mục Girolamo Maiorica dùng trong việc dạy giáo lý nói riêng và trong việc loan báo Tin Mừng nói chung cho người Việt ở thế kỷ XVII.

Các điểm độc đáo này đều xoay quanh mối bận tâm kép về việc hội nhập văn hoá và bảo toàn sự tinh tuyền của đức tin chính thống. Chúng tôi gọi đây là “bận tâm kép” vì hai mối bận tâm thực chất gần như là một. Chính vì nhất thiết phải hội nhập văn hoá và chính khi dùng mọi phương cách để hội nhập văn hoá mà linh mục Girolamo Maiorica mới phải bận tâm về tính chính thống của đức tin. Ngược lại, giáo lý chính thống chỉ thực sự được bảo tồn, hiện thực hoá và phát huy khi được hiểu, đón nhận và đi vào tâm thức người Việt. Chúng ta sẽ thấy rõ điều này ngay sau đây, rằng bận tâm bảo toàn giáo lý chính thống xuất hiện (và chỉ xuất hiện) ngay trong những nỗ lực hội nhập văn hoá.

Chúng tôi xin nhóm kết các điểm độc đáo này – trong đó có ba hình thức văn chương có tính biểu trưng – dưới nhan đề ba mối bận tâm cụ thể, phản ánh mỗi bận tâm kép nói trên.

Bận tâm bảo toàn giáo lý chính thống

Trước hết, bản tâm bảo toàn sự tinh tuyền của đức tin chính thống được thể hiện bằng việc giữ lại và sử dụng song song những từ ngoại ngữ (đã được phiên âm) dù đã dịch ý sang tiếng Việt: *Dêu (Deus)=Đức Chúa Trời, san-ta (santa)=thánh, ga-ra-sa (graça)=ơn, thánh an-giô (anjo)= thiên thần*. Linh mục Girolamo Maiorica đã cố gắng tìm các khái niệm tương đương trong tiếng Việt (thí dụ: *thánh, ơn*) để dịch các khái niệm thần học tế nhị (và vốn có một lịch sử phức tạp), đồng thời vẫn giữ lại các từ Bồ Đào Nha (vốn phát xuất từ Latinh, ngôn ngữ gốc của các khái niệm thần học từ thời các giáo phụ), để định hướng cách hiểu của các từ tiếng Việt. Như vậy, cách làm của linh mục Girolamo Maiorica đáp ứng cả hai tiêu chí là vừa Việt hoá ngôn ngữ thần học, vừa thần học hoá ngôn ngữ Việt. Ngoài ra, linh mục Girolamo Maiorica cũng đã sáng tác từ mới bằng cách ghép các từ thành một khái niệm (thí dụ: *Đức Chúa Trời, thiên thần*); đây cũng là một cách làm khôn ngoan, bảo đảm được cả hai tiêu chí nói trên, tránh sự sai lệch hay ngộ nhận mà các khái niệm tương đương có sẵn có thể gây ra.

Bản tâm về tính chính thống của giáo lý còn được thể hiện qua việc linh mục Girolamo Maiorica cẩn thận lưu ý độc giả về các ngộ nhận có thể có liên quan đến các mâu nhiệm đức tin, để tránh những cách hiểu mang tính mê tín dị đoan. Để minh hoạ, chúng tôi xin đưa ra điển hình liên quan tới mâu nhiệm Thiên Chúa thiêng liêng duy nhất và ba ngôi. Ở *TCTGKM*, 28, ngài viết: “... lại phải tin có một Dêu, chẳng phải nhiều. Khi kia rằng, Dêu, chớ nghi là Đức Chúa Dêu giống sự gì có xác, vì chung Chúa Dêu là một sự thiêng liêng, hằng có mà chẳng có khi hết...”. Trong khi lưu ý về Thiên Chúa độc nhất có trong sách giáo lý của công đồng Trentô (*GLCDTr*, 24) thì lưu ý về Thiên Chúa thiêng liêng là điều mà linh mục Girolamo Maiorica bản tâm giảng giải cho độc giả người Việt. Có lẽ ngài đã bắt được tâm thức người Việt hay tưởng tượng thần thánh cũng có những suy nghĩ, ước vọng và hành xử tương tự con người, nên đặc biệt lưu ý độc giả người Việt về điểm này.

Ở *TCTGKM*, 31, ngài viết: “Nghĩa điều ấy là Đức Chúa Trời có một Con thật, tên là Giê-su. Song le kéo kẻ u mê nghe tiếng con, nghĩ là cha con như người ta thế gian, thì phải xem thí dụ gương”. Ở *TCTGKM*, 32, ngài cũng ghi: “Chớ nghi là con thiêng liêng ấy bởi lòng người nữ mà ra, hay là có giống sự gì hèn như các

người thế gian làm chi”. Như vậy, linh mục Girolamo Maiorica ý thức rằng người Việt có thể mừng trọng và hiểu sai về mối tương quan giữa Chúa Cha và Chúa Con, cho nên tuy vẫn giữ lại hình ảnh cha-con như thần học Tây phương vẫn dùng, linh mục Girolamo Maiorica đã cẩn thận giảng giải để bảo đảm độc giả hiểu hình ảnh đó theo ý nghĩa đúng đắn và chính thống của thần học.

Đặc biệt, bận tâm về tính chính thống của giáo lý đức tin còn được thể hiện qua việc sử dụng khá thường xuyên một công cụ văn chương độc đáo mà chúng tôi sẽ đề cập ngay sau đây: công thức hoá.

Công thức hoá

Một trong những cách bảo toàn giáo lý chính thống là làm sao để thánh giá hay độc giả nắm bắt được các điểm giáo lý chính cách tương đối dễ dàng mà lại toàn diện. Dung hoà hai điểm này thật không dễ, vì nếu muốn người thụ huấn học dễ dàng thì nhiều khi phải đơn giản hoá hoặc giảm thiểu nội dung giáo lý; ngược lại, nếu dạy toàn bộ nội dung thì lại làm cho người học khó tiếp thu ngay được. Linh mục Girolamo Maiorica đã làm điều này bằng một phương cách mà chúng tôi tạm gọi là *công thức hoá các chân lý đức tin* vào trong một công thức hay hệ thống. Phương cách này đơn giản hoá nội dung giáo lý nhưng vẫn giữ được sự toàn vẹn cần có; nó có thể trình bày khá trọn vẹn nội dung của các điều cần học mà lại làm cho người học dễ nhớ. Chúng tôi xin đề cập đến một số loại công thức sau:

- Ngoài những công thức tóm lược nội dung giáo lý thành cấu trúc, lấy từ cuốn giáo lý ngắn của thánh Bêllarminô, linh mục Girolamo Maiorica còn trình bày những cấu trúc khác để giúp độc giả hay thánh giá dễ hiểu và dễ nhớ nội dung giáo lý. Chẳng hạn ở *TCTGKM*, 74, ngài hệ thống hoá nội dung Kinh Yếu Đuan (Kinh Tin Kính) thành hai phần: phần đầu về “Đức Chúa Trời một tính và có Ba Ngôi”, phần sau về “I-ghê-rê-gia [Giáo Hội], dù mà làm một thì có ba ơn”; ba ơn đó là phép tha tội, xác sống lại và phúc thiên đàng. Việc đặt song song màu nhiệm Một Thiên Chúa Ba Ngôi với màu nhiệm Giáo Hội duy nhất mà có ba ơn là một công thức khá sáng tạo và độc đáo.

Một thí dụ khác là ở *TCTGKM*, 129-134, khi giảng về giới răn thứ hai, linh mục Girolamo Maiorica đã hệ thống hoá nội dung giảng giải cách khá đầy đủ, nhưng đơn giản và rõ ràng. Khác với sách giáo lý ngắn của thánh Bêllarminô chỉ

nói quá vắn tắt và với giáo lý của công đồng Trentô lại nói quá dài và phức tạp, linh mục Girolamo Maiorica cấu trúc nội dung giới răn này thành bốn điểm rất súc tích: *kính, thề, khấn, khen*; mỗi điểm đều có khía cạnh tích cực (nên) và tiêu cực (cấm). Trong phần nói về *thề*, ngài chia ra thành ba mục nhỏ: *thề thật, thề lành* và *thề khôn*, phản ánh đúng các tiêu chuẩn mà sách giáo lý công đồng Trentô đặt ra cho lời thề (bản tiếng Anh gọi ba tiêu chuẩn đó là *truth, justice, judgment*; chú ý cách dùng từ rất khéo của linh mục Girolamo Maiorica để dịch ba khái niệm trừu tượng đó).

Hiển nhiên, mọi cách phân chia hay hệ thống hoá chỉ mang tính cách tương đối, nhằm giúp người đọc dễ nhớ các điều phải học và mối liên hệ giữa các điều ấy. Cách phân chia này không nhất thiết loại trừ cách phân chia khác. Như thế, các công thức dạng này chỉ mang tính cách gợi ý hoặc đôi khi góp phần làm sáng tỏ các chân lý đức tin khi đặt các chân lý đó trong mối tương quan hệ thống với nhau.

Ngoài việc công thức hoá nội dung, linh mục Girolamo Maiorica còn sáng tạo và sử dụng các “công thức” giáo lý súc tích, có vần điệu trong tiếng Việt (có tính chất công thức về mặt hình thức). Quả thực, những câu văn mang vần điệu cũng có tác dụng như một công thức, dễ đọc, dễ học và đi vào trí nhớ người đọc, người nghe cách lâu dài. Một số câu văn đó còn tồn tại trong ngôn ngữ nhà đạo cho tới ngày nay chứng tỏ tính hiệu quả của việc dạy giáo lý bằng công thức. Chúng tôi xin đơn cử một số thí dụ:

Ở *TCTGKM*, 19-20, 36, khi nói về mầu nhiệm Ba Ngôi, linh mục Girolamo Maiorica hay dùng công thức “một tính ở Ba Ngôi” hay công thức “Ba Ngôi có một tính, một ý, một phép”. Ngoài việc phân biệt và sử dụng nhất quán các khái niệm *tính* và *ngôi* để diễn tả công thức tín lý về Thiên Chúa duy nhất và Ba Ngôi (điều mà linh mục Girolamo Maiorica có thể đã học từ sự phân biệt giữa *tính* hoặc *thể* với *vị* của các thừa sai Dòng Tên bên Trung Hoa), thì việc tóm tắt giáo lý về Ba Ngôi trong một câu văn mang tính công thức là một sáng kiến khá độc đáo. Sáng kiến này giúp linh mục Girolamo Maiorica có thể truyền tải khá trọn vẹn ý nghĩa của mầu nhiệm Một Thiên Chúa Ba Ngôi mà không cần đề cập đến các khái niệm *essenza, natura, procedere* (sau này chúng ta dịch là *yếu tính, bản tính, nhiệm xuất*) như trong cuốn giáo lý của thánh Bêllarminô.

Ở *TCTGKM*, 32-33, khi giải thích ý nghĩa của danh xưng Kitô, linh mục Girolamo Maiorica viết: “Ki-ri-xi-tô là chức, có hai nghĩa, một là thầy cả trên hết [các] thầy, hai là vua [cả] trên hết các vua”. Đây là một lối nói vắn tắt rất khéo, nói lên chức vụ tư tế và vương đế đích thực và trỗi vượt của Đức Kitô Giêsu. Chỉ cần dùng các từ “thầy cả” hay “vua cả” là linh mục Girolamo Maiorica không cần phải giải thích dài dòng, như trong sách giáo lý của công đồng Trentô, về việc các loại người thường chịu xúc dầu trong Cựu Ước (tư tế, vua, ngôn sứ) là hình ảnh của Đức Kitô Giêsu, Đáng được xúc dầu đích thực bằng Thần Khí. Công thức trên đã đi vào các kinh nguyện tiếng Việt và được đọc cho tới ngày nay.

Ở *TCTGKM*, 112, linh mục Girolamo Maiorica viết về Đức Chúa Trời ở cùng Đức Mẹ, luôn phù hộ Mẹ thì Mẹ chẳng “phạm tội gì, dù mà lòng lo miệng nói cùng việc làm”. Đây cũng là một dạng công thức liệt kê các dạng thức hay các loại tội, cũng đã trở nên phổ biến trong các kinh đọc và còn tồn tại trong Kinh Cáo Mình cho tới ngày nay.

Bận tâm về các thực hành đạo đức

TCTGKM không chỉ là một cuốn giáo lý trình bày các lý thuyết của đức tin, mà còn đề cập đến, hướng dẫn và giải thích ý nghĩa của các thực hành đạo đức. Như vậy, phương pháp huấn giáo của linh mục Girolamo Maiorica là không chỉ giảng dạy mà còn xây dựng lối sống đạo phù hợp, được đặt nền trên đức tin và nuôi dưỡng đức tin. Ngoài những thí dụ đã đề cập ở trên, sau đây là một số thí dụ khác trong *TCTGKM* liên quan đến việc hướng dẫn hay giải thích các thực hành đạo đức.

Ở *TCTGKM*, 33 có câu: “Nhân sao ta nghe tên Đức Chúa Giê-su thì bái, cùng cất nón, mà nghe tên khác Đức Chúa Trời chẳng có kính làm vậy?”. Câu hỏi này gợi ý rằng thực hành tôn kính tên cực trọng Chúa Giêsu đã xuất hiện trong các nghi thức phụng vụ, trước khi linh mục Girolamo Maiorica viết những dòng này. Bái kính và cất nón là những hành động của người Tây phương khi tỏ lòng kính thờ và tôn trọng. Như vậy, có thể là tín hữu người Việt đã thấy người Tây phương thực hành các việc này trong các nghi thức phụng vụ, và thắc mắc ý nghĩa của các việc ấy. Câu hỏi này có thể chỉ là biểu hiện của việc linh mục Girolamo Maiorica nắm bắt nhạy bén những bận tâm của thánh giả hay độc giả (xin xem phần tiếp theo

dưới đây), nhưng cũng có thể là gợi ý hướng dẫn thực hành phụng vụ trong các cộng đoàn tín hữu Việt, rập theo phong cách của truyền thống Tây phương.

Ở *TCTGKM*, 48-49, khi kể chuyện Chúa Giêsu hiện ra, nói cho một người biết làm thế nào để giúp Chúa vắc thánh giá, linh mục Girolamo Maiorica viết: “Lòng con nhớ đến sự thương khó Cha đã chịu xưa cho được chuộc tội con, lỗi tai thì nghe sự cực Cha đã chịu, cật thì hãm mình thì mới giúp Cha là vắc làm vậy”. Đây thực chất là hướng dẫn thực hành nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng, cầu nguyện chiêm niệm và gắn bó với Chúa Giêsu vắc thánh giá. Linh đạo “mến thánh giá” này đã ăn sâu vào trong lòng đạo của các tín hữu Việt, và là lời giải thích cho sự long trọng và cuốn hút của các nghi thức Tuần Thánh trong các cộng đoàn tín hữu Việt.

Ở *TCTGKM*, 114 có câu: “Nhân sao đánh chuông nguyện A-ve một ngày ba lần...?”. Câu này cho thấy phong tục này đã được đưa vào đất Việt từ thế kỷ XVII. Khi giải thích ý nghĩa của phong tục này, *TCTGKM* đã góp phần bảo tồn và duy trì phong tục này trong các cộng đoàn tín hữu Việt cho tới ngày nay.

Bận tâm thứ hai, liên quan tới việc sống đạo còn được thể hiện mạnh mẽ hơn nữa qua một công cụ văn chương khác – các câu chuyện – vốn xuất hiện với tần suất cao trong *TCTGKM*.

Chuyện kể

Những giảng giải trong *TCTGKM* không mang tính suy lý nhiều; linh mục Girolamo Maiorica đã tránh dùng các khái niệm thần học hay triết học trừu tượng để giải thích các chân lý cao siêu. Bù lại, ngài dùng rất nhiều câu chuyện để gây ấn tượng và khuyến khích độc giả dùng đức tin mà đón nhận và sống các chân lý của đạo thánh. Đích nhắm của các câu chuyện đó không phải là để giúp độc giả hiểu các khoản giáo lý cho bằng giúp họ có tâm tình xác tín, hoán cải và dốc lòng thực thi điều họ đang học. Chính vì bận tâm tới đời sống đạo của độc giả chứ không chỉ nói với “cái đầu” của họ mà linh mục Girolamo Maiorica đã dành phần lớn cuốn sách cho các câu chuyện. Kể chuyện là một nét trong văn hoá Baroque Tây phương, nhưng cũng rất phù hợp với văn hoá Việt và là một trào lưu khá phổ biến trong văn chương Việt thế kỷ XVII, vốn cũng hay thích dùng những câu chuyện ly

kỳ để chuyển tải những sứ điệp thực tế. Các câu chuyện trong *TCTGKM* thường thuộc vào các loại sau:

Trước hết là các câu chuyện kể về người chết sống lại hoặc hiện về, kể lại những gì xảy ra trong thế giới bên kia, cho biết những gì đạo thánh dạy đều là chân thực và hữu ích. Thí dụ như câu chuyện đầu tiên của cuốn sách kể về một bà ở Manila sau khi chết được vài giờ thì sống lại kể rằng được Đức Bà dạy kinh cho và đọc lâu lâu các kinh trước đây không hề thuộc (x. *TCTGKM*, 16-18).

Thứ đến là các câu chuyện kể về các điềm lạ xảy ra trong thế giới này, như là minh chứng cho các mầu nhiệm (Ba Ngôi, Đức Mẹ đồng trinh) hay biến cố thánh trong đạo (Chúa Giêsu ra đời). Thí dụ như các chuyện minh họa cho mầu nhiệm Ba Ngôi: chuyện ba viên ngọc lưu ly giống nhau hoàn toàn, đột nhiên xuất hiện rơi từ nóc nhà thờ xuống, kết lại thành một viên ngọc quý; khi được khám vào Thánh Giá thì trở nên sáng láng và làm các ngọc khác nảy ra hết (x. *TCTGKM*, 35-36); hoặc chuyện người ta thấy trong trái tim bà thánh Clara sau khi chết có “ba hòn thịt bằng nhau, vì cân hai nén thì nặng bằng một, cân một năng bằng hai” (*TCTGKM*, 36).

Ngoài ra, còn có các câu chuyện kể về việc Chúa Ba Ngôi, Chúa Giêsu, Đức Mẹ hay các thánh hiện ra và có cả các câu chuyện kể về hoạt động của ma quỷ, hoặc về việc người trần gian thấy được những gì xảy ra ở thế giới “bên kia”.

Như vậy, đặc tính chung của các câu chuyện là thể hiện điểm giao tiếp giữa thế giới “bên kia” – thế giới thiêng liêng của Thiên Chúa, thần thánh, người chết, ma quỷ – và thế giới này. Qua những câu chuyện đó, những gì xảy ra ở thế giới bên kia được tỏ lộ cho con người ở thế giới bên này biết. Và những điều xảy ra đó được mặc định là thực tại, là chân lý mà người trần gian hiếm khi thấy, biết hay chân nhận. Những chân lý này chính là chân lý của đạo thánh Chúa đang được dạy ở đây, trong cuốn *TCTGKM*, xoay quanh các mầu nhiệm chính về Thiên Chúa, Chúa Giêsu, Đức Mẹ, Giáo Hội, và về hậu quả của các tội.

Những câu chuyện dạng này, vốn có sức hấp dẫn đặc biệt đối với tín hữu Việt và vẫn còn rất phổ biến ngày nay, cần được đọc và hiểu theo nghĩa biểu trưng. Đắt sống của các câu chuyện là trí tưởng tượng và cảm xúc của độc giả, giá trị của chúng chỉ thực sự được phát huy khi độc giả để trí tưởng tượng được mở rộng và

tô màu bởi những tình tiết ly kỳ và để cho cảm xúc tự do dâng trào mà không bị gò ép hay đè nén bởi các phân tích mang tính suy lý.

Những câu chuyện này cũng cần được đọc trong bối cảnh chung của các lời dạy trong toàn cuốn sách, chứ không nên bị tách ra và đọc riêng rẽ. Khi đọc riêng rẽ, chúng dễ gây ấn tượng rằng linh mục Girolamo Maiorica chủ trương một phương cách huấn giáo mang tính “hù dọa”, gây sợ hãi trong lòng độc giả. Ngược lại, nhiều lần trong cuốn *TCTGKM*, chúng ta thấy linh mục Girolamo Maiorica nhấn mạnh đến lòng từ bi của Thiên Chúa, Đáng luôn tìm cách tha thứ hơn là trừng phạt. Chẳng hạn ở *TCTGKM*, 123 có câu: “...vì chung ý Đức Chúa Trời rộng thương hơn phạt, vì thương bởi tính lành vô cùng mà ra, phạt bởi tội mà chớ. Cho nên khi phạt như ép Đức Chúa Trời vậy”. Hơn nữa, cũng có những câu chuyện tuy vẫn thể hiện tính răn đe, nhưng điểm nhấn cuối cùng vẫn là lòng từ bi của Thiên Chúa, như ở *TCTGKM*, 61-62, có câu chuyện nói về việc Chúa Giêsu nói với một giám mục đang mong kẻ có tội bị phạt rằng hãy đóng đinh Người lại vào Thánh Giá, vì Người muốn chịu khổ cho kẻ có tội để họ được rỗi linh hồn. Ở *TCTGKM*, 70-74 có chuyện kể về việc kẻ tội lỗi rất nặng, đã bị Chúa Cha và Chúa Giêsu bỏ, không cứu được, nhưng vẫn có thể được Chúa Thánh Thần cứu khi ăn năn tội.

Bận tâm đến điều thánh giả quan tâm

Những nét độc đáo của *TCTGKM* không chỉ nằm trong những câu trả lời, mà còn trong cách đặt câu hỏi. Ngoài các câu hỏi mang tính chất gợi ý hay dẫn dụ vào việc giảng giải (thí dụ: “là gì?”, “nhân sao?”, “xin giảng...cho tỏ hơn...”, v.v.), linh mục Girolamo Maiorica còn thêm vào những câu hỏi độc đáo, phản ánh những quan niệm phổ biến nơi người Việt. Những câu hỏi độc đáo cho thấy linh mục Girolamo Maiorica viết *TCTGKM* sau khi đã có kinh nghiệm giảng dạy giáo lý cho người Việt, nắm bắt và hiểu rõ những bận tâm và thắc mắc của họ. Như vậy, cuốn *TCTGKM* để lộ rõ đặc tính của một nỗ lực thần học khởi đi từ bối cảnh và nói cho bối cảnh, tức là khởi đi từ bận tâm của độc giả hay thánh giả và nói với họ. Để minh họa, chúng tôi xin đưa ra vài thí dụ điển hình.

Khi nói về việc Thiên Chúa tạo dựng trời đất, linh mục Girolamo Maiorica thêm vào câu hỏi “Nhân sao rằng dựng nên trời đất mà thôi, Đức Chúa Trời chẳng

có dựng nên nước, lửa, là đá, cây cối, người ta cùng muôn vật ru?” (TCTGKM, 30). Câu hỏi phản ánh sự phân biệt ngây ngô giữa “trời,đất” và các vật khác; như vậy, trời và đất được hiểu theo nghĩa vật lý và được xem như là hai trong số nhiều vật khác. Dĩ nhiên, để trả lời cho câu hỏi này, linh mục Girolamo Maiorica đã viết “lấy tên trời vì tóm lại mọi sự ở trên trời, lấy tên đất có ý nói đến mọi sự ở dưới đất...”. Tương tự, khi giảng về Kinh Tại Thiên (Kinh Lạy Cha), linh mục Girolamo Maiorica thêm câu hỏi: “Sao rằng [Thiên Chúa] ở trên trời chẳng có khắp mọi nơi ru?” (TCTGKM, 96). Câu hỏi này phản ánh quan niệm trời như một nơi chốn, là quan niệm rất phổ biến trong tâm thức người Việt, mãi cho đến ngày nay. Dĩ nhiên, để trả lời câu này, linh mục Girolamo Maiorica nói về “trời thiêng liêng” (TCTGKM, 97).

Khi giảng giải việc Đức Bà Maria chịu thai Chúa Giêsu bởi phép Chúa Thánh Thần, linh mục Girolamo Maiorica thêm câu hỏi: “Nếu Đức Chúa Phi-ri-tô San-tô làm việc trọng ấy thì gọi Đức Chúa Phi-ri-tô San-tô là Cha Đức Chúa Giêsu nên chẳng?” (TCTGKM, 38). Câu hỏi này phản ánh thắc mắc bình dân, rất phổ biến và tự nhiên của những người lần đầu nghe nói về mầu nhiệm Chúa Con làm người và Đức Mẹ chịu thai đồng trinh. Để trả lời câu hỏi này, linh mục Girolamo Maiorica đã phân biệt giữa “lấy tính mình mà cho con” (trong trường hợp cha sinh ra con) và “làm nên” một vật gì đó từ các chất liệu có sẵn (trong trường hợp chế tác: tác giả, thợ). Công việc của Chúa Thánh Thần là “lấy máu sạch Đức Bà mà dựng nên xác Đức Chúa Giêsu, thì chẳng có lấy tính mình mà cho” (TCTGKM, 39), nên không được gọi là Cha của Chúa Giêsu.

Ngoài ra, còn có những câu hỏi khác vẫn còn mang tính thời sự mà tín hữu người Việt ngày nay vẫn còn hay thắc mắc: Chúa Giêsu là Thiên Chúa, sao lại chết được? (TCTGKM, 46); Chúa Giêsu đã đền tội thay cho mọi người, có sao vẫn còn nhiều kẻ mất linh hồn, và ai cũng phải đền tội riêng? (TCTGKM, 46-47); Chúa Giêsu sống lại sau ba ngày, hay là vào ngày thứ ba? (TCTGKM, 52); tại sao mỗi người đã được phán xét riêng sau khi chết rồi lại còn chịu phán xét chung nữa? (TCTGKM, 63-64); tại sao vẽ Chúa Thánh Thần như chim bồ câu? (TCTGKM, 68); tại sao gọi Giáo Hội là thánh thiện trong khi có nhiều tín hữu tội lỗi? (TCTGKM, 77); v.v.

Mỗi bận tâm thứ ba, đặt độc giả và não trạng của họ làm trọng tâm, còn được thể hiện bằng một công cụ văn chương mà đặc điểm của nó là giải thích chân lý đức tin bằng các thí dụ hay so sánh lấy từ đời sống hằng ngày của độc giả.

So sánh, thí dụ

Đây cũng là nét độc đáo của *TCTGKM*: linh mục Girolamo Maiorica dùng các kinh nghiệm, thói tục hay nếp sống địa phương thay vì các khái niệm triết học để giúp độc giả hiểu các mâu nhiệm đức tin.

Phương pháp này đưa độc giả trở về với những sự vật, sự kiện, kinh nghiệm quen thuộc trong đời sống thường nhật của họ; bất ngờ làm cho họ ý thức về điều họ vẫn biết, tức mở rộng ý thức của họ đi vào chiều sâu của thực tại quen thuộc; rồi liên hệ điều đã được ý thức đó với mâu nhiệm đức tin, để độc giả thấy rằng mâu nhiệm đức tin không lạ lẫm hay vô lý, nhưng rất phù hợp với kinh nghiệm nhân sinh ở bề sâu của nó. Đây là phương cách *TCTGKM* đưa mâu nhiệm về gần với đời thường bằng cách làm cho độc giả ý thức rằng cuộc sống chứa đựng sẵn các mâu nhiệm và luôn mở ra với mâu nhiệm. Các thí dụ trong cuốn *TCTGKM*, đôi khi được gọi rõ là thí dụ, nhưng nhiều khi chỉ được dẫn vào bằng chữ “như”, thường thuộc vào các loại sau:

Các thí dụ liên quan tới nghề nghiệp, như nghề nông (x. *TCTGKM*, 38), nghề mộc (x. *TCTGKM*, 38), nghề làm nhà (x. *TCTGKM*, 16), v.v. Chẳng hạn, thí dụ “thợ mộc làm nên nhà thì chẳng được gọi là cha nhà” (*TCTGKM*, 38) được dùng để giải thích tại sao Chúa Thánh Thần không được gọi là Cha của Chúa Giêsu.

Các thí dụ liên quan tới đời sống hằng ngày, như việc soi gương (x. *TCTGKM*, 31), mặc áo (x. *TCTGKM*, 40, 59, 91), uống thuốc (x. *TCTGKM*, 132) và vật dụng hàng ngày như vò nước (x. *TCTGKM*, 111), v.v. Chẳng hạn, thí dụ soi gương được dùng để giải thích Chúa Cha sinh ra Chúa Con đồng thời với Mình, hoàn toàn giống Mình, cùng bản tính với Mình như thế nào (x. *TCTGKM*, 31).

Các thí dụ liên quan tới tương quan xã hội, giữa người với người (x. *TCTGKM*, 20, 67), vua chúa với quan (x. *TCTGKM*, 59, 109), tướng, quan với dân (x. *TCTGKM*, 29, 45), chủ nợ với con nợ (x. *TCTGKM*, 47-48, 104-105), anh

em trong nhà (x. *TCTGKM*, 91), v.v. Chẳng hạn, thí dụ áo vua ngồi trên ngai thì cao hơn quan văn võ ở dưới, chẳng phải vì vải trọng hơn người, nhưng vì áo vua làm một cùng vua (x. *TCTGKM*, 59) được dùng để giải thích nhân tính Chúa Giêsu kết hợp làm một với Ngôi Hai Thiên Chúa cao cả thế nào.

Các thí dụ về tự nhiên, liên quan tới cơ thể con người (x. *TCTGKM*, 30, 77), sông ngòi (x. *TCTGKM*, 66), cây cối (x. *TCTGKM*, 78, 113), v.v. Chẳng hạn, thí dụ miệng ăn xác lành (x. *TCTGKM*, 77) được dùng để giải thích mâu nhiệm thông công giữa mọi thành phần trong Giáo Hội; hoặc thí dụ trái tốt là do cây tốt (x. *TCTGKM*, 113) được dùng để giải thích lời khen Chúa Giêsu có phúc cũng là khen Đức Mẹ có phúc.

3 – PHỤ LỤC về NỘI DUNG QUYỀN GIÁO LÝ

Năm 1623, Cha JERONIMO MA'JORICA (1591-1656) được phái sang Việt Nam và ngài liền bắt tay vào công trình biên soạn cuốn *Dottrina cristiana breve* sang tiếng Việt ở dạng thức chữ Nôm, với tên tác phẩm là 天主聖教啟蒙 *Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông (TCTGKM)* – sách ra đời vào khoảng đầu thập niên 30 của thế kỷ XVII. Ngài đã thêm bớt một số chi tiết cho hợp với tâm lý người Việt: một số truyện, một số tư tưởng của “sách nọ sách kia” giúp người Việt Nam dễ tiếp thu lễ đạo, và sống lời Chúa truyền lại sâu sắc hơn. Sách dựa trên 4 chủ đề lớn của truyền thống Giáo Lý Công Giáo: Tin (*kinh Tin Kính*), Chịu (*Sacramento*), Xin (*kinh Tại Thiên và kinh Ave*), Giữ (*Mười sự răn*). Tuy nhiên, phần Chịu (*Sacramento*) chỉ được nhắc đến ở Đoạn thứ nhất và đoạn thứ ba (bảy Sa-ca-ra-men-tô), không có nội dung riêng. Ở đầu mỗi đoạn có phần trình bày khái quát về nội dung dưới dạng giải thích thuật ngữ, giải thích câu hỏi. Ngoài ra còn nói đến ảnh hưởng của nội dung đoạn đó trong đời sống Đức Tin. Sau đó là phần hỏi thưa mang tính hộ giáo. Sách *TCTGKM* được viết ở dạng hỏi thưa, hai trang đầu tiên viết như Bài Tựa: lai lịch và nội dung cuốn sách được trình bày. Nội dung sách chia làm 6 đoạn:

1/ Đoạn thứ nhất (tr.14-18): Giảng khái mông là đi gì và có mấy phần. Mở đầu của đoạn thứ nhất tóm lược bốn nội dung truyền thống (bốn mối) của Giáo Lý Công giáo về giáo dục Đức Tin: Tin, Chịu, Giữ, Xin. Nội dung gồm các câu Hỏi – Thưa và phần thí dụ:

H: Lời ấy có về mấy mối? Th: Về có bốn mối. Một là *kinh Tin Kính*, hai là *kinh Tại Thiên*, ba là *Mười sự răn*, bốn là *Bảy Sa-ca-ra-men-tô*.

H: Nhân sao có bốn mối mà thôi? Th: Bảy nhiều sự Đức Chúa Giê-su truyền về bốn mối, vì giúp ba đức cái, là tin và cậy cùng mến, vì *kinh Tôi Tin Kính* giúp sự tin, vì dạy ta phải tin. *Kinh Tại Thiên* giúp sự cậy vì dạy ta sự phải xin. *Mười sự răn* giúp sự mến, vì dạy ta phải giữ sự gì cho đẹp lòng Đức Chúa Trời. Còn các *Sa-ca-ra-men-tô* chẳng khác gì giống mà gìn giữ sự tin sự cậy cùng sự mến cho bền.

H: Có lời thí dụ nào cho tôi biết tỏ tường sự bốn mối này chăng? Th: Ông *Thánh Âu-cu-tinh* truyền thí dụ này về kẻ làm nhà. Vì chưng như kẻ muốn làm nhà, trước thì làm nền, đoạn dựng cột lên, sau mới lợp. Mà làm bảy nhiều sự có dùng giống nọ giống kia như mài, đẽo, cưa mới làm được. Ấy vậy ai nấy có tùy dọn linh hồn mình như dọn nhà lên trời, thì trước hết phải tin, ấy là như đắp nền, đoạn cậy trông, ấy là dựng cột lên, ba là *kinh mến*, ấy là như lợp nhà vậy. Các *Sa-ca-ra-men-tô* giúp bảy nhiều sự như giống giúp làm nhà vậy...

2/ Đoạn thứ hai (tr.18-27): Giảng sự dấu Câu-rút. Việc Tin vào Thiên Chúa Ba Ngôi qua dấu Câu-rút và cách làm dấu cùng *kinh nguyện* gắn liền với sự làm dấu. Nội dung gồm các câu Hỏi – Thưa và phần thí dụ:

H: Đức Chúa Trời có tính Ba Ngôi là làm sao? Th: Sự ấy cao lẽ lắm. Có bao giờ giảng sự phải tin, sẽ giảng sự ấy ít nhiều. Bây giờ giảng vậy, mặc sức trí suy được. Vậy phải biết mọi sự trên trời dưới đất, trước chẳng có, sau thì mới có. Lại phải biết có một sự hằng có liên, chẳng có bởi vật nào mà ra, cùng chẳng có khi nào hết, hay là chết. Một sự ấy sẽ nên mọi sự khác ta xem thấy hay là xem chẳng thấy, lại gìn giữ cùng trị mọi sự ấy, nhất sang trọng tốt lành vô cùng, có phép tắc chẳng hay hết. Sự ấy ta gọi là *Dâu*, nước này gọi *Thiên Chúa*. Lời ấy cũng là một chẳng có nhiều, vì chưng vốn tin Đức Chúa Trời là trọn lành gồm lại mọi sự lành. Nếu mà có nhiều Chúa, thì sự lành chia ra cùng Chúa Trời khác, vậy thì Chúa Trời chẳng có trọn lành, vì thiếu phần riêng ở Chúa khác. Vậy Chúa Trời thật có một mà thôi, chẳng có nhiều. Song le tính trọng vô cùng làm vậy ở *Ba Ngôi* gọi là *Cha*, *Con*, *Phi-ri-tô San-tô* và *Ba Ngôi* ấy là một Chúa Trời mà thôi, vì *Ba Ngôi* có một tính, một ý, một phép. *Thí dụ dưới thế gian* này có ba người, một là *Phê-rô*,

hai là Bảo-lộc, ba là Giu-ong, mà ba người ấy có một linh hồn cùng một xác, dù mà ba ngôi vì Phê-rô khác, Bảo-lộc khác ngôi, Giu-ong cũng khác ngôi, thì chẳng khác rằng ba người vì có một xác cùng một linh hồn. Sự này chẳng có ở loài khác, vì quá sức mọi loài là thấp hèn, chẳng thông được tính mình cùng nhiều ngôi. Có một Đức Chúa Trời bởi chẳng cùng, thì trót Đức Chúa Cha ở cùng Chúa Con và Chúa Phi-ri-tô San-tô. Vậy phải Ba Ngôi vì một là Cha, hai là Con, ba là Phi-ri-tô San-tô, khác ngôi mà bởi chẳng có khác tính, thì chẳng phải ba Chúa Trời đâu.

H: Bây giờ xin giảng cho tôi sự về Đức Chúa Trời làm người. Th: Thì phải biết, Ngôi Thứ Hai gọi là Con, có hai tính, một là tính thiêng liêng trọng vô cùng, hằng có vậy, lại Ngôi Con lấy tính người là linh hồn cùng xác trong lòng người nữ đồng trinh rất sạch sẽ. Vì vậy Ngôi Con, xưa là Chúa Trời thật mà thôi, từ ấy cho đến sau làm người thật ở dưới thế gian ba mươi ba năm, đoạn truyền sự về rồi linh hồn cùng làm nhiều phép lạ, thì để cho kẻ gian bắt mình đóng đinh trên cây Câu-rút, và chịu chết có ý đền tội thiên hạ. Ngày thứ ba sống lại khỏi bốn mươi ngày lên trời. Sự ấy sẽ giảng sau này.

H: Làm dấu Câu-rút trên mình có ích gì? Th: Trước hết làm dấu Câu-rút trên mình cho thiên hạ được biết ta là quân quốc về vua cả trên hết các vua, là Đức Chúa Giê-su, vì dấu ấy chẳng khác gì áo dấu làm cho ta về đường riêng là đạo thật. Sau nữa làm dấu cho được sức bèn trên mà làm mọi việc cho nên, vì khi làm dấu thì kính vái Đức Chúa Trời Ba Ngôi cực trọng, vì công nghiệp Đức Chúa Giê-su đã chịu nạn vì tội thiên hạ. Vì sự ấy, kẻ giữ đạo thì làm dấu trên mình, khi sớm mai trời dậy, khi bởi nhà mà ra, khi ăn cơm, khi đi nằm, khi dọn nguyện và toan làm mọi việc khác. Sau hết làm dấu có ý cho khỏi mọi chước quỷ, vì nó thấy dấu này thì dãi sợ, chẳng khác gì kẻ có lỗi mà thấy quan cầm roi nó thì hãi, cho nên khi làm dấu mà cậy lòng lành Đức Chúa Trời và công nghiệp Đức Chúa Giê-su xưa chịu chết trên cây Câu-rút, thì ta thường khỏi nhiều sự khó về xác và linh hồn. *Tôi xin giảng truyện nào về phép dấu cực trọng ấy. Ông Thánh Ghê-rê-gô-ri-ô Pha pha truyền rằng: Xưa trong một thành ở nước I-ta-li-a, có một Vít vồ tên là An-rê, có tiếng nhân đức lắm; trong nhà thầy ấy cũng có một người nữ...*

3/ Đoạn thứ ba (tr.27-93): Giảng mười hai điều phải tin. (Tin: Kinh Tin Kính) Giảng giải về kinh Tin Kính với mười hai điều phải tin. Nội dung gồm các câu Hỏi – Thưa và phần thí dụ:

H: Tôi tin kính Đêu là đi gì? Th: Nghĩa điều ấy là con mắt thịt xem chẳng thấy, thì phải tin có Đêu, lại phải tin có một Đêu, chẳng phải nhiều. Khi kia rằng: Đêu, chớ nghi là Đức Chúa Đêu giống sự gì có xác, vì chung Chúa Đêu là một sự thiêng liêng, hằng có-mà chẳng có khi hết, dựng nên cùng bao phủ trên trời, thông biết và hay mọi sự. Dù mà ta tưởng sự gì, muôn vàn sự tốt lành thay, thì cũng phải rằng: Chúa Đêu chẳng phải như bấy nhiêu vật ấy, vì trọng hơn nữa muôn vàn trùng, đời đời suy chẳng đến là trọng thể nào.

H: Nhân sao rằng Đêu Cha? Th: Gọi là Cha vì là Cha thật Con trọng vô cùng, như sau này sẽ nói; cùng gọi là Cha vì là Cha mày (*cha nuôi*, từ *cổ*) những kẻ giữ đạo nên. Sau hết là Cha muôn vật vì lấy phép mà dựng nên mọi sự.

H: Nhân sao rằng hay trọn? Th: Có nhiều lẽ mà khen Đức Chúa Trời như sáng láng tốt lành, bao phủ vô cùng, cùng nhiều lẽ khác. Song le nói đây sự hay trọn, là phép vô cùng cho ta dễ tin khi Đức Chúa Trời hóa nên trời đất, lấy sự chẳng có mà làm cho có. Kẻ tin Đức Chúa Trời có phép trọn thì cũng tin chẳng có mắc sự gì mà làm được mọi sự. Ví bằng có ai rằng: *Đức Chúa Trời chẳng được chết cùng chẳng được làm sự lỗi...*

H: Xin giảng cho tôi phần thứ hai, là tôi tin một Con Chúa Đêu là Chúa Giê-su là đi gì? Th: Nghĩa điều ấy là Đức Chúa Trời có một Con thật, tên là Giê-suê. Song le kéo kẻ u mê nghe tiếng con, nghĩ là cha con như người ta thế gian, thì phải xem thí dụ gương. Vì chung như kẻ soi gương, liền dựng nên một ánh bóng giống mặt mình, chẳng những giống hình tượng cũng giống mọi sự khác; như kẻ soi gương, có động thì bóng trong gương cũng động. Lại bóng ấy bởi mắt ta mà ra, chẳng có khó mà nên, cùng chẳng có lâu mà ra. Xem thấy mình trong gương liền có bóng ấy. Ấy vậy cũng phải tin Đức Chúa Cha lấy trí mà soi trong tính mình như trong gương vậy, liền sinh nên một bóng giống mình. Sau nữa bởi Đức Chúa Trời cho bóng ấy tính mình, là sự ta làm chẳng được. Khi soi gương thì bóng ấy là Con Đức Chúa Trời thật, vì sự ấy Con Đức Chúa Đêu cũng là Đêu như Đức Chúa Cha, vì cũng một hình thể như Cha. Lại Con cực trọng ấy hằng có vậy, chẳng kém Đức

Chúa Cha vì bởi Đức Chúa Cha hằng soi mình, thì hằng có sinh ra con làm vậy. Chớ nghi là con thiêng liêng ấy bởi lòng người nữ mà ra, hay là có giống sự gì hèn như các người thế gian làm chi. Vì chưng như đã rằng: Khi trước Đức Chúa Con bởi Đức Chúa Cha soi tính mình liền ra mà thôi.

H: Gọi Con Đức Chúa Trời là Giê-su Ki-ri-xi-tô làm chi? Th: Nghĩa tên Giê-su là cứu thế, Ki-ri-xi-tô là chức, có hai nghĩa, một là thầy cả trên hết thầy, hai là vua trên hết các vua, vì chưng bởi Con Đức Chúa Trời xuống thế làm người, có ý lấy máu mình chuộc tội ta, cùng đem lên thiên đàng, thì lấy tên cứu thế ấy. Lại Đức Chúa Cha phong chức cho là thầy trên hết thầy, cùng vua trên [hết] là Ki-ri-xi-tô. Vì sự ấy những kẻ theo Người gọi là Ki-ri-xi-tông (*Kitô hữu*).

H: Nhân sao rằng Chúa Giê-su là Chúa chúng tôi? Th: Vì chưng Đức Chúa Con cùng dựng nên ta cùng Đức Chúa Cha, vì sự ấy là Cha cùng Chúa ta. Sau nữa vì lấy máu mình mà chuộc ta, (thì) cho được khỏi làm tôi quỷ, thì gọi là Chúa. Khi trước giảng sự Câu-rút; lẽ thì truyền cho tôi phép nào lạ về sự Ba Ngôi, song le bây giờ cũng nên.

Có nhiều truyện nói đến sự lạ, Đức Chúa Trời làm cho thiên hạ tin về Ba Ngôi cực trọng. *Thầy Vi-sen-tê Bê-vê-sen cùng thầy khác truyền sự này...*

H: Tôi xin giảng cho tôi lời rằng: Xuống thai nhân phép Phi-ri-tô San-tô, Thánh Ma-ri-a chịu thai sinh để đồng trinh?. Th: Điều ấy làm cho ta tin phép lạ Con Đức Chúa Trời chịu làm con người thế gian, vì chưng vốn người ta có cha mẹ thì mới sinh ra, và mẹ khi chịu thai cùng sinh để con ra chẳng còn đồng trinh nữa. Song le Con Đức Chúa Trời, khi muốn làm người chẳng chịu bởi cha thế gian mà ra, một chọn làm con mẹ mà thôi, tên người là Ma-ri-a. Bà ấy trọn đời đồng trinh rất sạch, vì chưng Đức Chúa Phi-ri-tô San-tô là Ngôi Thứ Ba trong Ba Ngôi cực trọng, lấy máu cực sạch Người mà dựng nên trong lòng một xác người trẻ trọn tốt lành, cũng một trật ấy nên một linh hồn rất sáng láng mà hợp cùng xác ấy. Bây giờ xác cùng linh hồn ấy, Con Đức Chúa Trời hợp lại cùng mình, cho nên khi ấy Đức Chúa Giê-su, khi trước là Đêu thật mà thôi, thì mới nên người thật với. Ấy vậy như khi trước có cha chẳng có mẹ, đến sau có mẹ chẳng có cha thế gian.

H: Chịu nạn chưng thì quan Phong-si-ô Phi-la-tô, chết mà bèn lấp là đi gì? Th: Điều ấy tóm lại sự thương khó Đức Chúa Giê-su chịu xưa, cho được chuộc

tội thiên hạ. Là khỏi ba mươi ba năm ở thế gian, dạy dỗ cùng làm phép lạ được ích nhiều cho người ta, thì chịu đòn cùng đóng đinh trên Cây-rút, vì Phi-la-tô là quan trấn thủ nước ấy dạy làm vậy. Đoạn chịu chết mà những người hiền lành nhân đức táng xác Người.

H: Tôi xin giảng cho tôi lời sau rằng: Xuống địa ngục có ý gì? Th: Địa ngục là nơi rất sâu, như trời là nơi rất cao. Trong địa ngục có bốn hang sâu lắm, hang thứ nhất là nơi Đức Chúa Trời để mà phạt kẻ có tội trọng. Vì những quỷ và kẻ theo nó, bởi ở kiêu ngạo thì ở nơi rất hèn ấy, mà lia chôn thiên đàng xa lắm thì thậm phải. Hang trên hết nữa là nơi các linh hồn phải lửa Giải tội lại trên nữa là nơi các trẻ chết khi chưa kịp chịu phép Rửa tội, (lại nữa trên) nó chẳng phải lửa, một chịu khó vì chẳng được thấy Đức Chúa Trời đời đời. Hang trên hết, xưa những linh hồn các Thánh tổ tông ở cùng các người giữ đạo, khi Đức Chúa Giê-su chưa có ra đời. Các linh hồn ấy dù mà chẳng có tội gì đền thì cũng chẳng được lên thiên đàng, vì Đức Chúa Giê-su chưa có chịu chết, cùng chưa mở cửa thiên đàng cho người ta được vào nơi ấy, cũng gọi là lâm-bô các Thánh và ông A-ba-ra-ong (*Abraham*) trong ấy cáo linh hồn chẳng có phải sự khó gì, lại vui vẻ cùng trông Đức Chúa Giê-su bằng lòng. Ấy vậy trong Kinh Thánh có truyện ông Thánh La-sa-rô đã vào nơi ông A-ba-ra-ong, mà thằng phú quý kia xem thấy vì nó ở dưới, ngửa mặt lên xem thấy ông ấy được những sự vui, là quả ngọt bởi chịu của đắng bằng lòng mà ra.

H: Nhân sao rằng: Ngày thứ ba sống lại, vì chung từ hôm ngày, thứ sáu là khi Người chịu chết cho đến sáng ngày thứ nhất chẳng có nên hai ngày trọn? Th: Trong kinh chẳng rằng: Khỏi ba ngày sống lại, một rằng: Ngày thứ ba lại sống lại. Sự ấy thật lắm, vì kể hôm thứ sáu thì là một ngày, kể ngày thứ bảy lót là hai ngày, lại kể mấy giờ ngày thứ nhất là ba ngày. Ấy vậy rằng: Ngày thứ ba lại sống thì nói phải.

H: Hỏi thầy cho biết sự Đức Chúa Giê-su lên trời, từ sống lại cho đến khi lên trời khỏi bao lâu? Th: Người (ta) ở thế gian bốn mươi ngày, ở làm vậy cho tỏ phép sống lại ra vậy. Hiện cùng người nọ người kia tỏ tường. Phép sống lại thì khó tin, mà có ai tin sự ấy thì dễ tin sự khác, vì chung kẻ thấy ai sống lại thì biết người đã chết trước, và kẻ chết ấy trước thì cũng có sinh ra. Vì vậy kẻ tin Đức Chúa Giê-

su đã sống lại thì cũng tin Người đã chịu chết, và sinh ra ngày trước. Sau nữa kẻ tin xác Người sống lại sáng láng chẳng khác ở dưới đất, thì cũng tin Người lên trời nữa.

H: Ngự bên hữu Đức Chúa Cha là đi gì? Th: Chớ nghĩ là Đức Chúa Cha ở bên tả Đức Chúa Con, hay là Đức Chúa Cha ở giữa, Đức Chúa Con bên hữu, Đức Chúa Phi-ri-tô San-tô bên hữu làm chi, vì cả và Ba Ngôi là tính thiêng liêng ở khắp mọi nơi, mà chẳng khác rằng: Ở bên tả hay là bên hữu ngôi nào. Vậy ngự bên hữu ấy là bằng Đức Chúa Cha, vì có phép cùng sự sang trọng bằng Đức Chúa Cha. Vì Người ở làm vậy, chẳng có ở trên hay là ở dưới, một ở bằng nhau mà chớ. Trong: sách ông Thánh Đa-vít có khi rằng: Đức Chúa Con ngự bên hữu Đức Chúa Cha, có khi rằng: Đức Chúa Con ở bên hữu Đức Chúa Con ấy là ngự bằng nhau. Ấy vậy khi Đức Chúa Giê-su lên trời, thì lên trên hết Đấng Thiên Thần, cùng các người thánh, cho đến tòa cực trọng Đức Chúa Cha mà ngự đây, là ở bằng sự trọng Đức Chúa Cha.

H: Điều trong kinh rằng: Bồi đây mà lại phán xét kẻ sống cùng kẻ chết, sự ấy bao giờ? Th: Sự ấy đến tận thế mới có, vì chung phải biết thế này: Có khi hết vì khôn lửa trên trời xuống mà đốt mọi sự ở dưới đất. Khi ấy chẳng còn đêm ngày, chẳng còn lấy vợ chồng, cùng buôn bán như bây giờ. Ngày ấy, chẳng ai biết có gần hay là xa. Đức Chúa Giê-su bồi trời mà xuống phán xét thiên hạ. *Lời rằng đây là bồi trên trời, dạy ta chớ tin kẻ xưng mình là Ki-ri-xi-tô như quý vương bày đặt, vì Ki-ri-xi-tô thật chẳng có ở rừng hay là nơi lạ mà đến, một bồi trời mà xuống sang trọng lắm, cho nên chẳng có ai hồ nghi phải Con Đức Chúa Trời chẳng. Lại chẳng khác gì khi mặt trời mọc, chẳng có ai hồ nghi rằng phải mặt trời chẳng.*

H: Nhân sao phán xét kẻ sống và kẻ chết? Th: Ấy kẻ sống là kẻ giữ đạo, kẻ chết là kẻ có tội vì mất ga-ra-sa là sống linh hồn. Cũng có ý xét kẻ chết xác đã lâu, và kẻ còn sống, cùng kẻ lớn, kẻ bé mà hết thay thay đều chết tức thì, lại sống cho được chịu nợ cả và loài người ta là sự chết.

H: Nhân sao rằng: Ngày sau lại chịu phán xét? Th: Khi nào người ta chết thì Đức Chúa Giê-su xét linh hồn ấy riêng, vậy đến ngày sau hết đời, lại phán xét trước mặt thiên hạ. Sự ấy có nhiều lẽ. Trước hết phán xét chung vậy, cho thiên hạ khen Đức Chúa Trời, vì chung rầy người ta thấy kẻ có tội được nhiều sự thịnh, mà

kẻ có đạo phải ghe (*nhiều*) sự khó, thì nghĩ là chẳng có Đức Chúa Trời trị thiên hạ...

H: Tôi tin kính Phi-ri-tô San-tô là đi gì? Th: Điều này giảng Ngôi Thứ Ba, trong Ba ngôi cực trọng, vì khi trước giảng Ngôi Thứ Nhất, và sau giảng Ngôi Thứ Hai. Ấy vậy Đức Chúa Phi-ri-tô San-tô chẳng phải Ngôi Cha cũng chẳng phải Ngôi con, và Ngôi Thứ Ba [bởi] Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con mà ra, [là] Chúa Đêu thật như Cha và Con vì cũng một tính Đức Chúa Trời...

H: Tôi xin giảng sự tin San-ta I-ghê-rê-gia Ca-tô-li-ca. Th: Sự ấy là phần thứ hai về kinh Yếu Đoan, vì phần trước về Đức Chúa Trời Ba Ngôi, phần sau về I-ghê-rê-gia. Ấy vậy, như ta tin Đức Chúa Trời một tính và có Ba Ngôi, thì cũng tin I-ghê-rê-gia, dù mà làm một thì có ba ơn cả. Ơn thứ nhất là ơn linh hồn là phép tha tội. Ơn thứ hai về xác là thịt người ta sống lại. Ơn thứ ba về xác cùng linh hồn là phúc thiên đàng.

H: I-ghê-rê-gia là đi gì? Th: I-ghê-rê-gia (*Igreja*) là dòng người ta đã chịu phép Rửa tội và giữ đạo Đức Chúa Giê-su cùng chịu lụy ông Thánh Pha pha ở thành Rô-ma. I-ghê-rê-gia nghĩa là gọi làm một, vì chung khi ta sinh ra chẳng có đạo, như nước này cùng Đại Minh, Nhật Bản và nước khác, mà Đức Chúa Trời gọi ta cho được vào cửa đạo này. Cửa vào là phép Rửa tội. Chịu phép ấy chẳng đủ, lại phải giữ đạo như các thầy cai I-ghê-rê-gia dạy, cùng phải nghe phép ông Thánh Pha pha truyền và kính người vì là cả thay ngôi Đức Chúa Giê-su.

H: Nhân sao rằng: San-ta thánh, vì trong bốn đạo có nhiều kẻ có (có) tội lỗi? Th: Gọi làm vậy vì có ba lẽ. Thứ nhất, vì đầu là Đức Chúa Giê-su rất thánh. Như người nào có tốt mặc dù mà có thiếu gì về chân tay, cũng gọi là người tốt. Thứ hai, vì có đạo thánh cùng các Sa-ca-ra-men-tô thánh, cùng có phép công bằng cấm sự chẳng nên, dạy làm sự nên. Thứ ba, vì trong bốn đạo có nhiều người thánh, thật là sạch tội, và có nhiều công cùng Đức Chúa Trời, mà trong đạo khác chẳng có người nào thánh làm vậy.

H: San-tô cùng thông công là đi gì? Th: Phải biết I-ghê-rê-gia chẳng khác gì một xác lành, mà miệng ăn của gì lành, thì cả và xác cùng được phần là của lành ấy. Vì vậy kẻ ở xa mà ta chẳng biết mặt, thì người ấy nguyện làm lễ, cùng làm mọi phúc khác, thì cũng được giúp ta. Chẳng những công ta thông cùng nhau khi còn

sống, dù mà thông cùng kẻ đã qua đời, mà nơi ở nơi giải tội cũng được, và kẻ ở trên thiên đàng cũng giúp được ta và kẻ đã sinh thì.

H: Tội tin chung tha tội là đi gì? Th: Phải biết hễ là ai khi sinh ra thì có tội lỗi và khi đã lớn, một khi một thêm tội nữa. Cho đến [khi] được ga-ra-sa mới khỏi tội ấy. Phép tha tội này ở một Thánh I-gê-rê-gia, vì có bảy Sa-ca-ra-men-tô thêm ga-ra-sa, mà hai phép này: Một là rửa tội, hai là giải tội, là chính phép tha tội, chẳng khác gì thuốc trọng chữa kẻ liệt, thì phép ấy chữa những tật linh hồn.

H: Thịt mình lại sống là đi gì? Th: Ấy là ngày tận thế, kẻ được phép tha tội sống lại hết. Kẻ chẳng khỏi tội chẳng có sống lại ru? Sự sống về xác thì được hết và kẻ lành và kẻ dữ. Song le bởi sống kẻ dữ làm cho nó phải khôn vô cùng, sống ấy là chết hơn sống. Ấy vậy sống thật là sống về phần lành, là kẻ sạch tội.

H: Hằng sống là đi gì? Th: Ấy là thanh nhân cho trọn về xác cùng linh hồn, là sự vi nhất kẻ có đạo ngày sau được.

H: A-men là đi gì? Th: Nghĩa là thật như làm vậy, ấy là mọi điều đã nói trước thì thật lắm.

4/ Đoạn thứ bốn (tr.93-108): Giảng lời nguyện Đức Chúa Giê-su truyền (Xin: *kinh Tại Thiên – Lạy Cha*). Nội dung gồm các câu Hỏi – Thưa và phần thí dụ:

H: Lời trước hết là: Cha chúng tôi ở trên trời là đi gì? Th: Lời ấy như tựa, hay là lời dọn mà nguyện, vì gọi Đức Chúa Trời là Cha thì cậy trông mà xin sự ta dùng. Khi rằng ở trên trời, thì nhớ kính vì chẳng phải cha dưới đất, là Cha trên trời trọng vô cùng. Sau nữa vì bởi là Cha ta thì cho mọi sự con xin. Lại rằng: Trên trời, có ý cho ta được biết Đức Chúa Trời có phép làm được mọi sự. Sau hết, nói làm vậy cho ta nhớ còn ở thế gian như khách đi đường, trong kẻ nghịch, sự ấy xin Đức Chúa Trời phù hộ cho ta lắm.

H: Sao rằng Cha chúng tôi mà chẳng rằng Cha tôi? Th: Nói làm vậy cho ta được biết, các bôn đạo phải yêu nhau như anh em con cái một nhà vậy. Sau nữa cho được hay nguyện [chung] có ích hơn nguyện riêng.

H: Sao rằng ở trên trời chẳng có khắp mọi nơi ru? Th: Rằng ở trên trời vì là nơi trọng hơn, và trên trời xem được phép cùng sáng láng Đức Chúa Trời hơn nơi khác.

H: Danh Cha cả sáng là đi gì? Th: Danh chẳng phải tên, nghĩa là tiếng, như ta rằng: Nhà có tiếng lớn, ấy là có nhiều người biết. Ấy vậy, xin Danh Đức Chúa Trời cả sáng là xin cho thiên hạ biết Đức Chúa Trời mà thờ phượng; bởi dưới thế gian có nhiều kẻ chẳng thờ Chúa sinh nên muôn vật, cho nên lại dễ cùng bỏ vì chẳng biết, cùng kẻ biết chẳng kính nên, thì kẻ làm con thật muốn cho thiên hạ biết nghĩa Đức Chúa Cha cho nên, và kính trên hết mọi sự.

H: Nhân sao xin sự ấy trước hết? Th: Vì ta kính mến Đức Chúa Trời trên hết mọi sự cùng hơn mình nữa. Vì sự ấy phải ước ao trước hết, cho thiên hạ thờ phượng Đức Chúa Trời đã dựng nên người ta, vì một ý ấy ai mà được sự làm vậy, thì được mọi sự thịnh...

H: Quốc Cha trị đến là đi gì? Th: Xin rồi linh hồn là sự riêng về ta, mà trước xin sự về Đức Chúa Trời.

H: Ý Cha vâng [dưới] đất là đi gì? Th: Xin cho được giữa đạo cho nên, vì khi trước đã xin trên thiên đàng, thì bây giờ xin đi đường ngay đem đến đây, là giữ đạo, như Đức Chúa Giê-su xưa phán rằng: Ai muốn được sống vô cùng thì giữ Mười sự răn, mà bởi ta chẳng có sức giữ, thì xin bề trên được yữ lời Đức Chúa Trời cho trọn.

H: Sao rằng: Bằng chứng trời vậy? Th: Nói làm vậy cho ta được chọn giữ lời Đức Chúa Trời như các Thánh trên thiên đàng, vì chẳng hề có sai lời gì, mà phạm sự gì lỗi. Cùng có ý đất là kẻ có tội. Ý trời là Đấng Thánh; hay là đất là I-ghe-rê-gia, trời là Đức Chúa Giê-su. Vậy xin kẻ có tội bắt chước các Thánh, cùng cả và I-ghe-rê-gia bắt chước Đức Chúa Giê-su chịu lụy xưa.

H: Hỏi hằng ngày dùng đủ là đi gì? Th: Lời ấy trước xin của nuôi linh hồn, sau mới xin của nuôi xác. của về linh hồn là cực trọng Cô-mô-nhông (Comunhão), hay nuôi sống linh hồn là ga-ra-sa cùng là lời trong Kinh Thánh xin là nghe giảng. Sau hết xin sự Đức Chúa Trời soi trong linh hồn, vì bấy nhiêu sự nuôi ga-ra-sa làm cho linh hồn sống, của về xác là mọi sự ta dùng cho sống mà làm việc lành.

H: Nhân sao dùng đủ? Th: Vì chẳng cho ta xin sự thừa, và nhiều quá lẽ. Một cho xin sự đủ nuôi linh hồn và xác. Sau nữa cho biết ta là khách dưới thế gian. Ấy vậy phải xin ít mà chớ.

H: Sao rầy rầy? Th: Ý điều ấy là trọn đời, vì xin nuôi chúng tôi liên, cho đến khỏi thế gian mà về quê là thiên đàng vì khi chẳng còn dùng Cô-mô-nhông cùng nghe giảng hay là dùng của ăn về xác. Cùng có ý rầy là chẳng lo sự mai, vì đến mai chẳng có biết sống hay là chết, vì sự ấy chẳng cho lo sự sau quá lẽ.

H: Mà tha nợ chúng tôi là đi gì? Th: Khi trước xin sự lành chẳng có cùng, và sự lành có cùng. Bây giờ ba điều sau xin khỏi ba giống sự dữ, một là đã qua, hai là còn bây giờ, ba là sự chưa đến. Điều trước xin khỏi tội là sự dữ đã qua.

H: Nhân sao tội gọi là nợ? Th: Có ba lẽ: Thứ nhất hễ là ai phạm tội thì làm lỗi cùng Đức Chúa Trời, vì sự ấy có nợ cùng bề trên, phải đền vì tội ấy. Thứ hai gọi là nợ vì kẻ giữ đạo đáng Đức Chúa Trời thương. Kẻ phạm tội đáng phạt; vì sự ấy, có nợ là đáng chịu phạt. Thứ ba, vì hễ là ai ở thế gian như kẻ làm vườn nhà kia mà phải trả trái vườn ấy. Vậy linh hồn ta là vườn Đức Chúa Trời để cho ta xem sóc, thì ta có nợ cùng chủ vườn mà phải làm sự lành. Bởi chẳng trả nên, thì xin tha nợ ấy.

H: Nhân sao rầy: Bằng chúng tôi cùng tha nợ? Th: Nợ ấy là sự lỗi kẻ khác cùng ta, vì chung kẻ tha lỗi cho người ta đáng Đức Chúa Trời tha lỗi cho mình, mà kẻ chẳng tha cho kẻ khác, cùng chẳng đáng tha cho mình.

H: Lại chớ để chúng tôi sa chước cám dỗ là đi gì? Th: Xin sức cho khỏi sự dữ, phải bây giờ cùng chưa có đến, là chước quỷ làm cho ta phạm tội. Song le trước hết xin sức kéo nghe quỷ cám dỗ cùng gọi xin khỏi cám dỗ vì ta yếu đuối mà chẳng biết có được quỷ chẳng. Điều này dạy ta rằng: Đức Chúa Trời chẳng để cho quỷ làm, thì nó chẳng những [chẳng] được ta và chẳng được cám dỗ nữa.

H: Chẳng biết tỏ ý điều chớ để sa, vì có ý Đức Chúa Trời thường để cho ta sa, mà ta xin đừng để cho ta phải làm vậy? Th: Để cho sa chước quỷ lại giục cho sa tội, là nghề quỷ, chẳng phải việc Đức Chúa Trời vì ghét tội lắm. Song le khi rằng: Đức Chúa Trời để cho ta sa, là chẳng có phù hộ cho lắm kéo sa. Ấy vậy khi ta xin chớ để sa là xin sức cả kéo quỷ được ta.

H: Bèn chữa chung sự dữ là đi gì? Th: Điều này phần xin sự đã xin trước, phần thì xin sự khác. Ấy vậy rằng: Chẳng những xin tha tội đã qua cùng chữa kéo phạm tội nữa. Lại chữa cho khỏi sự dữ phải bây giờ, ấy vậy dạy xin khỏi sự dữ chung, chẳng cho xin khỏi sự dữ nào riêng, như khó khăn liệt lào, tai họa cùng sự

khác như làm vậy, vì chung có nhiều lần sự ta gọi là lành, trước mặt Đức Chúa Trời là sự dữ, cùng sự ta gọi là dữ, Đức Chúa Trời làm nên ích cho ta. Ấy vậy dạy ta xin chữa chúng tôi cho khỏi mọi sự dữ làm hại cho ta.

H: Hỏi: A-men là đi gì? Th: Ấy là lời nước Giu-di-a nghĩa là thật như làm vậy. A-men ⁽²⁸⁾ kính trước là tin thật như làm vậy. Bây giờ là xin thật như làm vậy.

5/ Đoạn thứ năm (tr.109-116): Giảng kinh A-ve (Xin: Kinh Kính Mừng), nội dung gồm các câu Hỏi – Thưa và phần thí dụ:

H: Nhân sao rằng: A-ve Ma-ri-a? Th: Lấy lời ấy là chào Người, mà lấy lời An-giô Ga-bi-ri-e khi đi thăm Người, và rầy Đức Bà nghe lời ấy thì mừng lắm, vì nhờ tin rất lành Thánh An-giô xưa đem cho mình, và muốn cho ta trả nghĩa vì ơn trọng ấy Đức Chúa Trời xuống cho thiên hạ.

H: Đầy ga-ra-sa là đi gì? Th: Ga-ra-sa làm cho linh hồn được ba sự này. Thứ nhất ghét tội đi, là sự dơ dáy ở linh hồn. Thứ hai làm cho nên tốt. Thứ ba là cho sức làm được việc lành đẹp lòng Đức Chúa Trời. Ấy vậy Đức Bà đầy ga-ra-sa vì chẳng hề có tội gì, dù mà tội A-dong để truyền cho người ta cùng tội mình làm thì chẳng hề có phạm sót: Cùng đầy ga-ra-sa, vì được phúc đức khác cao lắm. Sau hết vì được phần thưởng trọng, cho nên ngự trên hết thần thánh.

H: Chúa Đêu ở cùng Bà là đi gì? Th: Điều ấy là Đức Chúa Trời ở cùng Người, từ linh hồn Người ở trong lòng mẹ cho đến trọn đời, mà phù hộ Người liên, vì sự ấy chẳng cho phạm tội gì, dù mà lòng lo miệng nói cùng việc làm. Mà Đức Chúa Trời chẳng những ở cùng Người vì cho làm trọn tốt, lại ngự ở linh hồn Người có ý giữ sự trọng ấy đã cho.

H: Nữ trung Bà có phúc lạ là đi gì? Th: Lời này là lời khen Đức Bà vì chẳng những có mọi sự lành về người đồng trinh, thì cũng có mọi sự lành về các người nữ nữa. Kẻ có chồng mà có con thì có lộc, sự ấy Đức Bà cũng được vì sinh đẻ một con trọng hơn trăm nghìn con nhà khác. Ví bằng rằng: Người có muôn vàn con kẻ chẳng xiết thì cũng phải, vì chung các bản đạo giữ nét thì nên con Đức Chúa Giê-su cùng là con Đức Mẹ. Chẳng phải con mà, vì Đức Bà có một con thật là Đức Chúa Giê-su. Song kẻ khác cùng là con vì yêu dấu như con vậy. Vì sự ấy rằng: Nữ trung bà có phúc lạ thì phải, vì các người chẳng có đồng trinh nữ khác xa

lắm, mà kẻ đồng trinh thì chẳng có con, kẻ có con chẳng có đồng trinh. Có một Đức Bà hợp lại hai sự ấy làm một và làm mẹ và còn đồng trinh với.

H: Bà thai tử Giê-su là đi gì? Th: Lời này khen Đức Bà chẳng những vì sự ở Người, cùng khen vì trái bởi cây ấy mà ra, vì sự tốt trái cùng về cây, thì con trọng cùng làm cho mẹ nên trọng nữa. Bởi Đức Chúa Giê-su chẳng những là người và là trong nhất các người, lại là Chúa Trời trọng trên hết mọi sự, thì Đức Mẹ Người chẳng những có phúc trong các người nữ, lại có phúc trên hết vật dưới thế cùng trên trời nữa.

H: Xin giảng sự sau trong kinh A-ve. Th: Lời sau I-ghe-rê-gia nói là lời nhất khen Đức Bà thì gọi Người là Mẹ Đức Chúa Trời, mà bởi có phép xin sự gì được sự ấy, thì xin cầu cho chúng tôi vì là kẻ có tội, lại xin phù hộ khi còn sống và khi rình qua đời, vì khi ấy ta dùng sức Người chữa lấy ta hơn nữa.

6/ Đoạn thứ sáu (tr.116-170): Giảng Mười sự răn (Giữ: Mười Điều Răn), nội dung gồm các câu Hỏi – Thưa và phần thí dụ:

H: Nhân sao trong mọi phép thiên hạ, đạo này có Mười sự răn thì trọng hơn mọi phép? Th: Có nhiều lẽ. Thứ nhất vì phép này Đức Chúa Trời truyền, mà trước soi trong lòng người ta mới thích hai bia là đá. Thứ hai vì phép này là phép trước hết như mạch mọi phép khác. Thứ ba vì là phép chung hơn mọi phép mọi vua mọi nước. Vì chẳng những dạy kẻ có đạo giữ đạo cùng dạy Giu-dêu và kẻ chẳng có đạo, nam nữ giàu khó, vua cùng dân, kẻ hay chữ, kẻ dốt cũng phải giữ hết. Thứ bốn vì là phép chẳng có ai cất được. Thứ năm vì phải giữ phép ấy cho được lên trời như Đức Chúa Giê-su dạy. Thứ sáu là phép trọng vì khi rao trước hết thì các Thiên Thần thổi loa có sấm sét xuống và uy nghi lắm, trước mặt các Giu-dêu.

H: Khi chưa có giảng mười sự ấy thì tôi muốn biết ý tất vậy. Th: Các điều răn ấy có một là kính mến Đức Chúa Trời và yêu người ta. Vì sự ấy thích hai là đá, bia trước có ba điều về Đức Chúa Trời, bia sau có bảy điều về người ta, và là đá ấy có chữ bằng nhau.

H: Nhân sao có ba điều trước? Th: Vì dạy lấy lòng cùng lưỡi và việc làm mà kính mến Đức Chúa Trời.

H: Nhân sao bảy điều về người ta? Th: Vì một điều dạy làm lành cho người ta, sáu điều thì dạy chớ làm hại về mình, và sự tốt tiếng và sự của, chớ lấy việc dữ hay là lời nói hay là lòng mà làm hại. Lời Đức Chúa Trời phán rằng: Nay Tao là Chúa Đêu mà đã cho mày khỏi làm tôi nước I-chi-tô. Thứ nhất chớ lấy sự khác mà thờ trước mặt Tao, cùng làm hình tượng mà thờ nó. Thứ hai chớ lấy tên Đức Chúa Trời mà thề dối. Thứ ba giữ ngày lễ lạy. Thứ bốn thảo kính cha mẹ cho được sống lâu. Thứ năm chớ giết người. Thứ sáu chớ làm tà dâm. Thứ bảy chớ ăn trộm cướp. Thứ tám chớ nói chứng dối. Thứ chín chớ muôn vợ chồng người. Thứ mười chớ tham của người.

Kontum, ngày 01/05/2016

Lm. GIOAKIM NGUYỄN HOÀNG SƠN

ooooo ————— 000000 ————— ooooo

GHI CHÚ

[[1]] *Xin xem Tạp Chí Xưa và Nay số 468 tháng 2 – 2016 tr.15tt.*

[[2]] *Xin xem Tạp Chí Xưa và Nay số 468 tháng 2 – 2016 tr.19.*

[[3]] *Petrus Paulus Thống, Chữ Quốc Ngữ Và Môi Trường Bình Định, (Hội Thảo Khoa Học : “Bình Định Với Chữ Quốc Ngữ”), (12-13/2016).*

[[4]] *Xem Nguyễn Hồng. Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam sđd. Về trường hợp trở lại của sư cụ Gioankim ở An vực, tác giả viết: “Không dám phiền cụ, cha Đắc Lộ nhờ một thanh niên biết chữ chép ra chữ nôm những kinh cha đọc cho để những người tân tòng theo đó mà học”(trang 105).*

Về trường hợp giảng đạo cho một người phong hủ ở làng Văn Nô, tác giả viết: “Trong số đó có ông Simon, một người có chữ nghĩa. Được cha Đắc Lộ gửi cho một bản kinh mười giới răn Chúa, ông liền đem dạy cho các người hủ trong làng và ngày chủ nhật vì không thể đến nhà thờ được, những làng hủ họp nhau lại trước ảnh Chúa và đọc các kinh đó với nhau.” (trang 106).

[[5]] *Xem Phan Phát Hườn, Việt Nam giáo sử, I, trang 77.*

[[6]] *Xem Nguyễn Hồng, sđd, trang 139.*

[[7]] Xem Nguyễn Hồng, *sđd*, trang 295.

[[8]] Xem Nguyễn Hồng, *sđd*, trang 136, chú I. Để cảm ơn một lão quan ở Bồ Chánh, “Cha Đắc Lộ cũng biếu ông một cuốn bản bằng chữ nôm” (trang 136) và tác giả suy luận rằng “có lẽ đó là cuốn bản 8 ngày do chính cha soạn và xuất bản sau này bằng chữ quốc ngữ ở Rôma 1651” (chú 1).

[[9]] Xem 1/ Hoàn Xuân Hãn, *Girolamo Majorica, ses oeuvres en langue vietnamienne conservés à Bibliothèque Nationale de Paris* trong *Archivum Historium Societas Iesu*, tập XXII, 1953, trang 203-214; 2/ Thanh Lãng, *Những chặng đường của chữ quốc ngữ*, *bđd*, Georg Schhurhammer, *Annamitisch Xavierius Literatur*, *bđd*; 3/ Sommervogel, *Bibliothèque de la compagnie de Jesus*, tome V (1894), p. 361. Sau khi công bố danh sách tác phẩm của Majorica (1589-1656), Sommervogel có viết theo tài liệu của Sotwel, *Bibl. Script, Jesu*: “*Scriptis vel traduxit ad volumina Instructionum piarum, Idiomate Tunchinensi seu annamatico cujus peritus insigniter erat solatis et salute illorum*”.

[[10]] Xin xem thêm: <http://thovanminhson.blogspot.com/2013/04/lich-su-van-hoc-cong-giao-viet-nam.html>

Xin xem thêm : Võ Long Tê, “*Lịch-Sử Văn-Học Công-Giáo Việt-Nam*”, NXB Tư-Duy Sài-Gòn, năm 1965, cuốn I, chương V, trang 168-183.

[[11]] Nhóm Hán Nôm Công Giáo: *Giêrônimô Maiorica S.J -1646, Các Thánh Truyện*, (tháng Năm) (năm 1998) (từ trang 3-23)

[[12]] Võ Long Tê, “*Lịch-Sử Văn-Học Công-Giáo Việt-Nam*”, NXB Tư-Duy Sài-Gòn, năm 1965, cuốn I, chương V, trang 170 – 179

[[13]] *Jap-sin* 64 366v.

[14] *Jap-sin* 88, 20v

[[15]] *Jap-sin* 85a, 26

[[16]] Nhan đề của sách ấy là: *Miraculi A.S. Francisco Xaverio Indiarum Apostolo – In collegio Neap. Soc. Jesu Patrati die III – January Anno Dom. MDC XXXIV narratio – Ex Archigepiscopalis Curiae Tabulis deprompta Neapoli – Apud Lazarum Scoregium 1634. Bản chép tay hình như đã được sửa chữa bởi cha P. Marcello Mastrilli thuộc Dòng Tên.*

[[17]] *Borgia*.

[[18]] Eulalia.

[[19]] Dịch giả viết: sự trong sạch.

[[20]] Do Georg Schurhammer, bđd, trích dẫn, Bản dịch của Trương Bửu Lâm và Đỗ Văn Anh, bđd.

[[21]] Jap-sin, 85-200

[[22]] Jap-sin 89-299v.

[[23]] Theo Đặc san Đại học Sư phạm, số 1, niên khóa 60-61, Huế, trg 11.

[[24]] Thanh Lăng, Những chặng đường của chữ quốc ngữ, bđd, trg 10-11.

[[25]] Ông Thánh I-na-xu truyện, bản chữ nôm chép tay, ký hiệu Anamite B16 lưu trữ tại Thư Viện Quốc Gia Paris, đoạn thứ 3: Ông Thánh I-na-xu đi tu hành.

[[26]] sđd, đoạn thứ 4: Ông Thánh I-na-xu đi sang thành Giêrusalem.

[[27]] sđd, đoạn thứ 5: Ông Thánh I-na-xu đến viếng các nhà thánh thành Giêrusalem.

[[28]] sđd, đoạn thứ 4.

[[29]] sđd, đoạn thứ 4.

[[30]] sđd, Đoạn thứ 7: Ông Thánh I-na-xu đi học cùng chịu khó ở thành Sai-lô-na. Phần trích dẫn chính văn đều phiên diễn từ nguyên văn chữ Nôm.

[[31]] Võ Long Tê, “Lịch-Sử Văn-Học Công-Giáo Việt-Nam”, NXB Tư-Duy Sài-Gòn, năm 1965, cuốn I, chương V, trang 168-170. Xin trích đoạn: “Sự trở lại của những nho sĩ và tu sĩ Phật giáo là một yếu tố phát triển văn học công giáo. Các tân tông này đã giúp các thừa sai ghi chép bằng chữ Nôm những văn kiện công giáo cần thiết. Giáo sĩ Alexandre de Rhodes, khi mới đến xứ Bắc đã nhờ một thầy đồ chép những kinh tối sớm và kinh mười điều răn. Chắc các thầy giảng cũng ghi chép những lề luật do các cha ấn định cho tổ chức tông đồ giáo dân tiên khởi mà các thầy là những cán bộ đặc lực. Có sách chép rằng trong lúc vắng các cha, các thầy đã soạn một cuốn lịch công giáo để nhắc nhở giáo dân về các tiết lễ Công giáo. Cha Onuphre Borgès bề trên Phái đoàn Truyền giáo Đàng Ngoài từ năm 1656, có soạn một tác phẩm huấn luyện các thầy giảng, giảng giải cách dạy dỗ cho người tân tông, cách giúp kẻ liệt và rửa tội khi cần kíp. Ngay đến cuốn Phép giảng tám ngày của giáo sĩ Alexandre de Rhodes trong thời kỳ còn là sơ thảo cũng

đã được ghi chép bằng chữ Nôm và chữ quốc ngữ để các thầy giảng và giáo dân tiện dụng.

Phong trào văn học công giáo chữ nôm là một nhu cầu thực tế trong lúc chữ quốc ngữ chưa được ổn định hay phổ biến rộng rãi. Về những tác phẩm kể trên đây, được nhắc nhở trong các kỹ thuật của các thừa sai hay trong một sự suy luận không xa sự thật bao nhiêu, chúng ta ước ao sẽ phát giác được những bút tích hay văn kiện chứng minh.

Trong hiện tình, chúng ta mới khám phá được một số tác phẩm bằng chữ nôm của giáo sĩ Girolamo Majorica truyền giáo ở Đàng Ngoài và của thầy giảng Gioan Thanh Minh ở Đàng Trong.(...)”.

[[32]] *Nhóm Hán Nôm Công Giáo.*

[[33]] *Lời giới thiệu tác phẩm giáo lý “Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Môn”, Lưu hành nội bộ 3/2013, bản phiên bản TCTGKM này theo TS Nguyễn Hai Tính là của Cụ Võ Long Tế.*

[[34]] *TS Nguyễn Hai Tính, SJ. (Học viện Dòng Tên TPHCM) , Bài tham luận “ Sách Giáo Lý của Linh Mục GIROLAMO MAIORICA và Sáng Kiến Hội Nhập Văn Hóa”. Bình Định, ngày 12-13/01/2016.*